

Số: 27 /TTr-PKT

Khánh Cường, ngày 11 tháng 03 năm 2026

### TỜ TRÌNH

Về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho ông Đỗ Quang Phong và bà Trương Thị Định đối với thửa đất số 496, tờ bản đồ số 110, xã Khánh Cường tại Khu tái định cư Cầu Ông Vân thuộc dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 tỉnh Quảng Ngãi;

Phân đoạn Km1101+317÷Km1125+000;

Địa điểm: xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ (Đợt 14), (nay là xã Khánh Cường, tỉnh Quảng Ngãi)

#### 1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật ngày 29 tháng 6 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;

- Nghị định 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về việc Quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

- Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về việc Quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

- Nghị định 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Đất đai;

- Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 08 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

- Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý

nhà nước trong lĩnh vực đất đai;

- Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 3 tháng 3 năm 2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc cho phép tiếp tục thực hiện thẩm quyền, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, người có thẩm quyền và áp dụng trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

- Quyết định 6292/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2015 của UBND huyện Đức Phổ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 tỉnh Quảng Ngãi; Phân đoạn Km1101 + 317 – km1125 + 000; Địa điểm: xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ (đợt 14);

- Quyết định số 3502/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao đất cho ông Đỗ Quang Phong và bà Trương Thị Định thường trú tại xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ;

- Quyết định số 1824/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Khánh Cường về việc điều chỉnh, sửa đổi Điều 1 Quyết định số 3502/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao đất cho ông Đỗ Quang Phong và bà Trương Thị Định.

## **2. Căn cứ hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm:**

- Quyết định số 3502/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao đất cho ông Đỗ Quang Phong và bà Trương Thị Định thường trú tại xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ.

- Hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai.

## **3. Đề xuất, kiến nghị**

Sau khi kiểm tra hồ sơ, Phòng Kinh tế xét thấy đủ điều kiện trình UBND xã Khánh Cường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Đỗ Quang Phong và bà Trương Thị Định, tại thửa đất số 496, tờ bản đồ số 110, diện tích 150m<sup>2</sup>, loại đất: đất ở tại nông thôn, thời hạn sử dụng đất: lâu dài, hình thức sử dụng: sử dụng chung của vợ và chồng, địa chỉ: khu tái định cư Cầu Ông Vân, thôn Diên Trường, xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ, (nay là xã Khánh Cường, tỉnh Quảng Ngãi).

## **4. Hồ sơ kèm theo Tờ trình:**

4.1. Đơn đề nghị giao đất;

4.2. Tờ khai trước bạ;

4.3. Tờ khai tiền sử dụng đất;



4.4. Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;

4.5. Quyết định 6292/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2015 của UBND huyện Đức Phổ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 tỉnh Quảng Ngãi; Phân đoạn Km1101 + 317 – km1125 + 000; Địa điểm: xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ (đợt 14);

4.6. Quyết định số 3502/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao đất cho ông Đỗ Quang Phong và bà Trương Thị Định thường trú tại xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ;

4.7. Quyết định số 1824/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Khánh Cường về việc điều chỉnh, sửa đổi Điều 1 Quyết định số 3502/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2022 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao đất cho ông Đỗ Quang Phong và bà Trương Thị Định;

4.8. Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước. (mã hiệu: 262011521A-Số: 0000832 và mã hiệu: 262011521A-Số 0000833).

4.9. Dự thảo Giấy chứng nhận;

Kính đề nghị UBND xã Khánh Cường xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chủ sử dụng đất trên./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công;
- Lưu:KT



**TRƯỞNG PHÒNG**

**Trương Ánh Dương**





**Mẫu số 01. Đơn đề nghị giao đất/thuê đất/chuyển mục đích sử dụng đất/giao đất và giao rừng/cho thuê đất và cho thuê rừng**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Khánh Cường, ngày 13 tháng 10 năm 2025

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIAO ĐẤT**

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Khánh Cường.

1. Người đề nghị<sup>3</sup>: Ông: ĐỖ QUANG PHONG SN 1982 CCCD: 051082020102  
Bà: TRƯƠNG THỊ BÌNH SN 1984 CC: 051184018379

2. Địa chỉ/trụ sở chính: Thôn Diên Trường, xã Khánh Cường, tỉnh Quảng Ngãi

3. Địa chỉ liên hệ (điện thoại, fax, email...):

4. Địa điểm thửa đất/khu đất (tại xã..., tỉnh...):

Thôn Diên Trường, xã Khánh Cường, tỉnh Quảng Ngãi

5. Diện tích đất (m<sup>2</sup>): 150m<sup>2</sup> trong đó:

a) Diện tích đất chuyên trồng lúa phải nộp tiền theo quy định của pháp luật về đất trồng lúa (m<sup>2</sup>) (nếu có):

b) Diện tích đất phải bóc tách tầng đất mặt theo pháp luật về đất trồng lúa (m<sup>2</sup>) (nếu có):

6. Diện tích rừng (m<sup>2</sup>) (nếu có):

7. Để sử dụng vào mục đích<sup>4</sup>: đất ở tại nông thôn

8. Thời hạn sử dụng đất: lâu dài

9. Xác định nhu cầu sử dụng đất thuộc trường hợp được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định (nếu có):

10. Cam kết sử dụng đất, sử dụng rừng đúng mục đích, chấp hành đúng các quy định của pháp luật đất đai, pháp luật lâm nghiệp, pháp luật về đất trồng lúa; nộp tiền sử dụng đất/tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa (nếu có); bóc tách tầng và sử dụng đất mặt đầy đủ, đúng hạn. Các cam kết khác (nếu có):

11. Tài liệu gửi kèm (nếu có)<sup>5</sup>

**Người làm đơn<sup>6</sup>**

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Phong  
Đỗ Quang Phong  
Trưởng Thị Đình





**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc giao đất cho ông Đỗ Quang Phong và bà Trương Thị Định  
thường trú tại xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ

**ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của  
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê  
đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 1352/QĐ-BGTVT ngày 22 tháng 5 năm 2013 của  
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công  
trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km1027 – Km1063+877 và Km1092+557 –  
km1125+000, tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 6292/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2015 của  
UBND huyện Đức Phổ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bố trí  
tái định cư dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 tỉnh Quảng Ngãi; Phân  
đoạn Km1101 + 317 – km1125 + 000; Địa điểm: Xã Phổ Khánh, huyện Đức  
Phổ (đợt 14);

Xét đề nghị của UBND xã Phổ Khánh tại Tờ trình số 33/TTr-UBND ngày  
02 tháng 6 năm 2022 và đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ  
trình số 191/TTr-TNMT ngày 14 tháng 10 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao cho ông Đỗ Quang Phong, thường trú tại xã Phổ Khánh, thị  
xã Đức Phổ 150m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 496, tờ bản đồ số 35 xã Phổ Khánh, thị xã  
Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi để sử dụng vào mục đích xây dựng nhà ở.

- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

- Vị trí, ranh giới thửa đất được xác định theo Trích lục bản đồ địa chính  
do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh thị xã Đức Phổ lập  
ngày 14 tháng 9 năm 2022.



- Hình thức giao đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất.
- Tiền sử dụng đất phải nộp : 63.315.000 đồng
- + Hộ dân phải nộp : 63.315.000 đồng
- + Nhà nước hỗ trợ : 0 đồng
- Những hạn chế về quyền của người sử dụng đất: Không

**Điều 2.** Giao các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện các công việc sau đây:

1. Chi cục Thuế khu vực Đức Phổ - Ba Tư thông báo cho người được giao đất nộp tiền sử dụng đất và phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

2. UBND xã Phổ Khánh chủ trì, phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh thị xã Đức Phổ xác định cụ thể mốc giới và giao đất trên thực địa cho người được giao đất theo quy định.

3. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi – Chi nhánh thị xã Đức Phổ trao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định; chỉnh lý hồ sơ địa chính.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng thị xã Đức Phổ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị nêu tại Điều 2 Quyết định này và người được giao đất có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng thị xã Đức Phổ chịu trách nhiệm đăng Quyết định này trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân thị xã./.

*Nơi nhận:* 

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- VPTX: PCVP, CV<sub>lv</sub>thuận;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Võ Minh Vương**

Số: 95 / TTr-PKT

Khánh Cường, ngày 10 tháng 12 năm 2025

**TỜ TRÌNH**

**Về việc điều chỉnh nội dung quyết định số 3502/QĐ-UBND  
ngày 25/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đức Phổ  
về việc giao đất cho Đỗ Quang Phong và bà Trương Thị Định**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/06/2025;*

*Căn cứ Luật Đất đai 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/06/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở ngày 27/11/2023, Luật Kinh doanh bất động sản ngày 28/11/2023 và Luật các Tổ chức tín dụng ngày 18/01/2024;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/07/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;*

*Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai;*

*Căn cứ Quyết định 6292/QĐ-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2015 của UBND huyện Đức Phổ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 tỉnh Quảng Ngãi; Phân đoạn Km1101 + 317 – km1125 + 000; Địa điểm: xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ (đợt 14);*

*Căn cứ Quyết định số 3502/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao đất cho ông Đỗ Quang Phong và bà Trương Thị Định thường trú tại xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ;*

*Xét hồ sơ xin giao đất của ông Đỗ Quang Phong và bà Trương Thị Định thường trú tại Thôn Diên Trường, xã Khánh Cường, tỉnh Quảng Ngãi;*



Ngày 5/12/2025, quầy Tiếp nhận hồ sơ và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Phòng Kinh tế tại Trung tâm Phục vụ hành chính chính công xã Khánh Cường tiếp nhận hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính: Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất của ông Đỗ Quang Phong và bà Trương Thị Định. Mã hồ sơ: H48.210-251204-0013.

Qua xem xét, rà soát Phương án bồi thường, hỗ trợ và bố trí đất tái định cư (đợt 14) thuộc Dự án Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 tỉnh Quảng Ngãi; Phân đoạn Km1101+317 – Km1125+000; địa điểm: xã Phở Khánh, huyện Đức Phổ (cũ), nay là xã Khánh Cường, tỉnh Quảng Ngãi, Phòng Kinh tế phát hiện có sai sót tại Điều 1 Quyết định số 3502/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ về việc giao đất cho ông Đỗ Quang Phong và bà Trương Thị Định cụ thể như sau:

|                             |                   |
|-----------------------------|-------------------|
| - Tiền sử dụng đất phải nộp | : 63.315.000 đồng |
| + Hộ dân phải nộp           | : 63.315.000 đồng |
| + Nhà nước hỗ trợ           | : 0 đồng          |

Để thực hiện đảm bảo thực hiện giao đất đúng quy định Luật Đất đai và các văn bản có liên quan, Phòng Kinh tế đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã xem xét điều chỉnh, sửa đổi Điều 1 Quyết định số 3502/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của Chủ tịch UBND thị xã Đức Phổ về việc giao đất cho ông Đỗ Quang Phong và bà Trương Thị Định như sau:

|                                    |                   |
|------------------------------------|-------------------|
| “- Số tiền phải nộp                | : 63.315.000 đồng |
| + Tiền sử dụng đất hộ dân phải nộp | : 63.000.000 đồng |
| + Lệ phí trước bạ phải nộp         | : 315.000 đồng”   |

Các nội dung khác tại Điều 1 Quyết định không điều chỉnh, sửa đổi vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

Kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định./.

(Có dự thảo quyết định kèm theo)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, PCT UBND xã;
- VP HĐND&UBND xã;
- Lưu: KT, CV.



**TRƯỞNG PHÒNG**

**Trương Ánh Dương**



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ KHÁNH CƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1824/QĐ-UBND

Khánh Cường, ngày 10 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều chỉnh, sửa đổi Điều 1 Quyết định số 3502/QĐ-UBND  
ngày 25/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đức Phổ về việc  
giao đất cho ông Đỗ Quang Phong và bà Trương Thị Định**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KHÁNH CƯỜNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/06/2025;

Căn cứ Luật Đất đai 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/06/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở ngày 27/11/2023, Luật Kinh doanh bất động sản ngày 28/11/2023 và Luật các Tổ chức tín dụng ngày 18/01/2024;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/07/2024 của Chính phủ quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 23/2025/TT-BNNMT ngày 20/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Quyết định 6292/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 của UBND huyện Đức Phổ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 tỉnh Quảng Ngãi; Phân đoạn Km1101 + 317 - km1125 + 000; Địa điểm: xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ (đợt 14);

Căn cứ Quyết định số 3502/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của UBND thị xã Đức Phổ về việc giao đất cho ông Đỗ Quang Phong và bà Trương Thị Định thường trú tại xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ;

Xét hồ sơ xin giao đất của ông Đỗ Quang Phong và bà Trương Thị Định thường trú tại Thôn Diên Trường, xã Khánh Cường, tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 95/TTr-PKT ngày 10/12/2025.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Điều chỉnh, sửa đổi nội dung “**Tiền sử dụng đất phải nộp**” tại Điều 1 Quyết định số 3502/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Đức Phổ về việc giao đất cho ông Đỗ Quang Phong và bà Trương Thị Định, như sau:

- Số tiền phải nộp : 63.315.000 đồng.
- + Tiền sử dụng đất hộ dân phải nộp : 63.000.000 đồng.
- + Lệ phí trước bạ phải nộp : 315.000 đồng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các nội dung khác tại Quyết định số 3502/QĐ-UBND giữ nguyên hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng Phòng Kinh tế xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và người sử dụng đất có tên tại Điều 1 Quyết định số 3502/QĐ-UBND chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng HĐND và UBND xã Khánh Cường chịu trách nhiệm đăng tải Quyết định này trên trang thông tin điện tử của UBND xã./. *Ng*

Nơi nhận: *Ng*

- Như Điều 3;
- TT HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Lưu: VT, HS

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Huỳnh Kiên

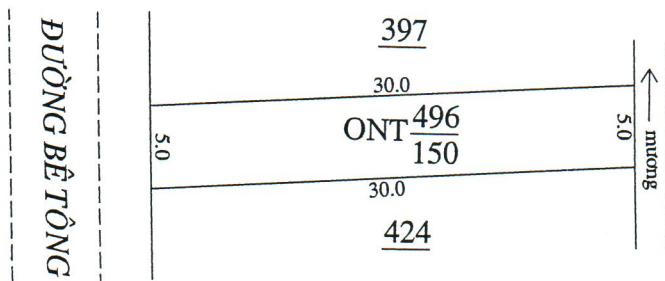


## TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

1. Số hiệu thửa đất: 496 ; Tờ bản đồ địa chính số: 35 (110)  
Xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ, Tỉnh Quảng Ngãi
2. Diện tích: 150 m<sup>2</sup> ;
3. Mục đích sử dụng đất: Đất ONT
4. Tên người sử dụng đất: ông Đỗ Quang Phong và bà Trương Thị Định  
Địa chỉ thường trú: xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi
5. Các thay đổi của thửa đất so với giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất:
6. Bản vẽ thửa đất:

### 6.1. Sơ đồ thửa đất

### 6.2. Chiều dài canh thửa

[illegible]

*Ghi chú: Thuộc lô số 06b, Khu tái định cư Cầu Ông Vân*

Đức Phổ, ngày 14 tháng 9 năm 2022

**NGƯỜI TRÍCH LỤC**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hữu Phú

Đức Phổ, ngày 14 tháng 9 năm 2022

## GIÁM ĐỐC

**VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH QUẢNG NGÃI**

## CHI NHÁNH ĐỨC PHỔ

(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)







Không ghi vào khu vực này

Mã số hồ sơ: .....

Mẫu số 02  
Ký hiệu: C1-02/NS

Mã hiệu: 262011521A  
Số: 0000832  
Số tham chiếu:

Mã QR code  
(nếu có)

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☒ Chuyển khoản ☐  
Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác: .....

Người nộp ngân sách nhà nước: Đỗ Quang Phong, TRƯƠNG THỊ ĐỊNH      Mã số thuế: 051082020102  
Địa chỉ: Phố Khánh  
Phường/xã/đặc khu:      tỉnh, thành phố:  
Người được ủy quyền nộp NSNN:  
Địa chỉ:  
Phường/xã/đặc khu:      tỉnh, thành phố:  
Đề nghị ngân hàng/Kho bạc Nhà nước: 52033-CN QUANG NGAI - PGD DUC PHO trích tài khoản số: 101110100  
hoặc thu tiền mặt để nộp ngân sách nhà nước.  
Số tài khoản đơn vị hưởng: 7111  
Tên cơ quan thu ngân sách: Xa Khanh Cuong - Thue co so 3 tinh Quang Ngai  
Tại Kho bạc Nhà nước: 51701010-KBNN KHU VUC XV - PHONG GIAO DICH SO 21  
Mở tại ngân hàng ủy nhiệm thu: 51201001-VietinBank CN Quang Ngai  
Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:  
Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

| Phần dành cho người nộp ngân sách nhà nước ghi |                                                               |                           |                                              |              |              | Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/NH phối hợp thu/KBNN ghi |              |         |
|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------------------------------------|--------------|--------------|--------------------------------------------------------|--------------|---------|
| STT                                            | Số TK/ Số QĐ/ Số TB/ Mã định danh HS hoặc khoản phải nộp (ID) | Kỳ thuế/ Ngày QĐ/ Ngày TB | Nội dung các khoản nộp NSNN                  | Số nguyên tệ | Số tiền VND  | Mã chương                                              | Mã NDKT (TM) | Mã ĐBHC |
| 1                                              | QĐ:LTB2650523-TK0001849                                       | KT:25/02/2026             | Le phi truooc ba nha dat DAT SO 496.TBD 110; | 1,425,000VND | 1,425,000VND | 857                                                    | 2801         | 21472   |
| Tổng cộng                                      |                                                               |                           |                                              | 1,425,000VND | 1,425,000VND |                                                        |              |         |

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Một triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng

|                                              |                                 |
|----------------------------------------------|---------------------------------|
| <b>PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN:</b> |                                 |
| Mã Cơ quan thu ngân sách: 1141842            | Nợ TK: 101110100<br>Có TK: 7111 |

NGƯỜI NỘP TIỀN  
Ngày 25 tháng 2 năm 2026  
Người nộp tiền      Kế toán trưởng      Thủ trưởng đơn vị

NGÂN HÀNG/ KHO BẠC NHÀ NƯỚC  
Ngày 25 tháng 2 năm 2026  
Giao dịch viên      Kiểm soát viên  
Nguyễn Kiều Oanh      Nguyễn Kiều Oanh



Phần ngân hàng in:  
Số tham chiếu-520N26215M9BVRZK 1  
21472 52033-CN QUANG NGAI - PGD DUC PHO  
oanhnk4 oanhnk4 25/02/2026 Thu Ngan sach Nha nuoc  
Phí Ngân hàng: 0VND VAT:10.00% 0VND T\_Phí: 0VND

Trương Thị Minh Thư  
NH TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM  
CHI NHÁNH QUẢNG NGÃI  
PÁI TIỀN



1000 1000 1000 1000



Không ghi vào  
khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☒ Chuyển khoản ☐  
Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:

Mẫu số: 02  
Ký hiệu: C1-02/NS

Mã hiệu: 262011521A  
Số: 0000833  
Số tham chiếu:

Người nộp thuế: Đỗ Quang Phong, TRƯỞNG, THI ĐÌNH Mã số thuế: 051082020102

Địa chỉ: Phố Khánh

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Đề nghị NH/KBN: 52033 - VIETINBANK, CN QUANG NGAI - PGD, DUC PHO, trích TK số: 101110100 hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi quỹ hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài khoản của KBN: 51701010-KBN KHU VỰC XV - PHONG GIAO, DỊCH SỞ 21 Tỉnh, TP: TỈNH QUANG NGAI

Mở tại NH ủy nhiệm thu: 51201001-VietinBank, CN Quang Ngai

Nộp theo văn bản của CQ có thẩm quyền:

Kiểm toán NN ☐ Thanh tra TC ☐  
Thanh tra CP ☐ CQ có thẩm quyền khác ☐

Tên cơ quan quản lý thu: 1141842-Xa Khanh Cuong - Thuế cơ sở 3 tỉnh Quang Ngai

| Phần dành cho người nộp thuế ghi |                                                               |                                |                                            |               |               | Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/NH phối hợp thu/KBN ghi |              |                |
|----------------------------------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------------------|---------------|---------------|-------------------------------------------------------|--------------|----------------|
| STT                              | Số tờ khai/Số quyết định/Số thông báo/Mã định danh hồ sơ (ID) | Kỳ thuế/Ngày QĐ/TB             | Nội dung các khoản nộp NSNN                | Số nguyên tệ  | Số tiền       | Mã chương                                             | Mã NDKT (TM) | Mã ĐBHC:       |
| 1                                | QĐ/TB:LTB2650 523-TK0001850                                   | KT:25/02/2026 Ng.QĐ:13/02/2026 | Dat duoc nha nuoc giao DAT SO 496.TBD 110; | 63,000,000VND | 63,000,000VND | 857                                                   | 1401         | Xa Khanh Cuong |
| Tổng cộng                        |                                                               |                                |                                            | 63,000,000VND | 63,000,000VND |                                                       |              |                |

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Sáu mươi ba triệu đồng

|                                                                  |                                 |
|------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| PHẦN DÀNH CHO KBN GHI KHI HẠCH TOÁN                              |                                 |
| Mã CQ thu: 1141842-Xa Khanh Cuong - Thuế cơ sở 3 tỉnh Quang Ngai | Nợ TK: 101110100<br>Có TK: 7111 |

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

Ngày 25 tháng 02 năm 2026

Người nộp tiền Kế toán trưởng Thủ trưởng

NGÂN HÀNG/KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 25 tháng 02 năm 2026

Giao dịch viên Kiểm soát viên

Nguyen Kieu Oanh Trương Thị Minh Thu

Phần ngân hàng in:

Số tham chiếu-520N26215MBG2D2M 2  
Xa Khanh Cuong 52033-CN QUANG NGAI - PGD DUC PHO  
oanhnk4 ttm.thu 25/02/2026 09:11:41 Thu Ngân sách Nhà nước  
Phí Ngân hàng: 0VND VAT:10.00% 0VND T\_Phí: 0VND







THUẾ TỈNH QUẢNG NGÃI  
THUẾ CƠ SỞ 3 TỈNH QUẢNG NGÃI

Số: LTB2650523-TK0001849/TB-TCS3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phường Đức Phổ, ngày 13 tháng 02 năm 2026

**THÔNG BÁO NỘP TIỀN**  
**Về lệ phí trước bạ nhà, đất**

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;  
Căn cứ Luật Phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành về lệ phí trước bạ;  
Căn cứ hồ sơ và Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số: 26 ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực VII, hoặc căn cứ hồ sơ của người nộp lệ phí trước bạ.

Thuế cơ sở 3 tỉnh Quảng Ngãi xác định và thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất như sau:

**I. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI NỘP THUẾ**

- Tên người nộp thuế: **Đỗ Quang Phong, Trương Thị Định**
- Mã số thuế: **051082020102**
- Địa chỉ: **xã Khánh Cường**
- Điện thoại: Email:
- Tên đại lý thuế/ hoặc Tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay (nếu có):
- Mã số thuế:
- Địa chỉ:

**II. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

- Thông tin về đất
  - Thửa đất số: **496** Tờ bản đồ số: **110**
  - Địa chỉ: **Thôn Diên Trường, xã Khánh Cường, tỉnh Quảng Ngãi, Xã Khánh Cường, Tỉnh Quảng Ngãi**
  - 1.2.1. Số nhà: Toà nhà:  
Ngõ/hẻm:  
Đường/phố:  
Thôn/xóm/ấp:
  - 1.2.2. Phường/xã: **Xã Khánh Cường**
  - 1.2.3. Quận/huyện:
  - 1.2.4. Tỉnh/thành phố: **Tỉnh Quảng Ngãi**
  - 1.3. Loại đất: **Đất ở nông thôn**
  - 1.4. Vị trí theo Bảng giá đất:
    - Đường/đoạn đường/khu vực:  
**- Khánh Cường - Khu vực 2 (Phổ Khánh cũ)/Đất mặt tiền Khu tái định cư Cầu Ông Vân**
    - 1.4.2. Vị trí thửa đất (1, 2, 3, 4...): **Vị trí 5**
  - 1.5. Diện tích thửa đất (m<sup>2</sup>): **150**
  - 1.6. Đơn giá đất tính lệ phí trước bạ (đồng/m<sup>2</sup>): **1.900.000**
- Thông tin về nhà ở, nhà làm việc, nhà sử dụng cho mục đích khác:
  - Loại nhà:  
Cấp nhà:  
Hạng nhà:

- 2.2. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà:  
2.3. Diện tích xây dựng (m<sup>2</sup>):  
2.4. Diện tích sàn xây dựng (m<sup>2</sup>):  
2.5. Đơn giá một mét vuông sàn nhà tính lệ phí trước bạ (đồng/m<sup>2</sup>):

### III. TÍNH THUẾ CỦA CƠ QUAN THUẾ

1. Tổng giá trị nhà, đất tính lệ phí trước bạ [(1) = (1.1) + (1.2)]: **285.000.000 đồng**

1.1. Đất [(1.1 = 1.5 x 1.6)]: **285.000.000 đồng**

1.2. Nhà [(1.2 = 2.2 x 2.4 x 2.5)]:

2. Số tiền lệ phí trước bạ phải nộp: **285.000.000 x 0,5% = 1.425.000 đồng**

3. Miễn lệ phí trước bạ:

3.1. Lý do miễn:

3.2. Số tiền được miễn:

4. Số tiền lệ phí trước bạ còn phải nộp [(4)=(2)-(3.2)]: **1.425.000 đồng**

*(Viết bằng chữ: Một triệu bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng)*

5. Thời hạn nộp tiền: Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo này.

### IV. THÔNG TIN NỘP NGÂN SÁCH (Người nộp thuế, ngân hàng, kho bạc nhà nước phải ghi đầy đủ các thông tin dưới đây trên chứng từ nộp tiền khi nộp tiền vào ngân sách nhà nước)

1. Tên người nộp thuế: **Đỗ Quang Phong, Trương Thị Định**

2. Mã số thuế: **051082020102**

3. Tài khoản thu ngân sách nhà nước của kho bạc nhà nước: KBNN Khu vực XV - PGD số 21 mở tại ngân hàng:

Vietinbank CN Đức Phổ; Vietcombank-CN Đức Phổ; Agribank-CN Đức Phổ, BIDV-CN Đức Phổ hoặc có thể thanh toán trên Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn>

4. Tên cơ quan quản lý thu: Xã Khánh Cường - Thuế cơ sở 3 tỉnh Quảng Ngãi, Mã cơ quan quản lý thu: 1141842

5. Tên chương: Hộ gia đình, cá nhân, Mã chương: 857

6. Tên nội dung kinh tế (Tiểu mục): Lệ phí trước bạ nhà đất, Mã tiểu mục: 2801

7. Tên địa bàn hành chính: Xã Khánh Cường, Mã địa bàn hành chính: 21472

8. Mã định danh hồ sơ (nếu có): LTB2650523-TK0001849

*Trường hợp người nộp thuế chậm nộp tiền lệ phí trước bạ vào ngân sách nhà nước sau thời hạn nộp theo thông báo này thì ngoài số tiền lệ phí trước bạ phải nộp, người nộp thuế phải tự xác định số tiền chậm nộp (= số ngày chậm nộp x 0,03%/ngày); nộp đầy đủ tiền lệ phí trước bạ phải nộp và tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước.*

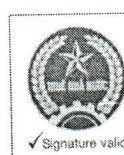
Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Thuế cơ sở 3 tỉnh Quảng Ngãi theo số điện thoại: 0255-3859567, địa chỉ: Đường Phạm Hữu Nhật, tổ dân phố 5, Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi để được hướng dẫn cụ thể.

Thuế cơ sở 3 tỉnh Quảng Ngãi thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

#### Nơi nhận:

- Đỗ Quang Phong;
- Các bộ phận liên quan;
- Lưu: VT, bộ phận ban hành TB.

#### TRƯỞNG THUẾ CƠ SỞ



Người ký: Nguyễn Văn Hoàng  
Nội dung: Thông báo nghĩa vụ tài chính  
Địa điểm: Thuế cơ sở 3 tỉnh Quảng Ngãi  
Thời gian: 13-02-2026 11:51:44

**Nguyễn Văn Hoàng**



THUẾ TỈNH QUẢNG NGÃI  
THUẾ CƠ SỞ 3 TỈNH QUẢNG NGÃICỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: LTB2650523-TK0001850/TB-TCS3

Phường Đức Phổ, ngày 13 tháng 02 năm 2026

THÔNG BÁO NỘP TIỀN  
Về tiền sử dụng đất

Thông báo lần đầu



Thông báo điều chỉnh, bổ sung

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ pháp luật về tiền sử dụng đất và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ hồ sơ và Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số: 26 ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực VII; số liệu xác định của Ủy ban nhân dân cấp huyện về tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư hoặc số tiền thuê đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp (nếu có).

Thuế cơ sở 3 tỉnh Quảng Ngãi xác định và thông báo tiền sử dụng đất phải nộp như sau:

## I. THÔNG TIN NGƯỜI NỘP THUẾ

- Tên người sử dụng đất: **Đỗ Quang Phong, Trương Thị Định**
- Mã số thuế: **051082020102**
- Địa chỉ: **xã Khánh Cường**
- Số điện thoại: Email:
- Tên đại lý thuế hoặc người được uỷ quyền (nếu có):
- Mã số thuế:
- Địa chỉ:

## II. THÔNG TIN VỀ ĐẤT

- Thửa đất số: **496** Tờ bản đồ số: **110**
- Địa chỉ: **Thôn Diên Trường, xã Khánh Cường, tỉnh Quảng Ngãi, Xã Khánh Cường, Tỉnh Quảng Ngãi**
- Số nhà: Tòa nhà:  
Ngõ/hẻm:  
Đường/phố:  
Thôn/xóm/ấp:
- Phường/xã: **Xã Khánh Cường**
- Quận/huyện:
- Tỉnh/thành phố: **Tỉnh Quảng Ngãi**
- Vị trí theo Bảng giá đất:
  - Đường/đoạn đường/khu vực:  
**- Khánh Cường - Khu vực 2 (Phố Khánh cũ)/Đất mặt tiền Khu tái định cư Cầu Ông Vân**
  - Vị trí thửa đất (1, 2, 3, 4...): **Vị trí 5**
- Mục đích sử dụng đất: **Đất ở tại nông thôn**
- Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích:
- Nguồn gốc đất (Nhà nước giao/chuyển từ thuê sang giao...): **Đất được Nhà nước giao, cho thuê**
- Thời hạn sử dụng đất:
  - Ổn định lâu dài: ☒



7.2. Có thời hạn: ... năm                      Từ ngày .../.../...                      đến ngày .../.../...  
7.3. Gia hạn: ... năm                      Từ ngày .../.../...                      đến ngày .../.../...

8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:

9. Diện tích thửa đất (m<sup>2</sup>):    **150**

10. Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất (m<sup>2</sup>):    **150**

10.1. Đất ở (m<sup>2</sup>):    **150**

10.1.1. Trong hạn mức giao đất ở (m<sup>2</sup>):    **150**

10.1.2. Ngoài hạn mức giao đất ở (m<sup>2</sup>):    **0**

10.2. Đất nghĩa trang, nghĩa địa (m<sup>2</sup>):

10.3. Trường hợp khác (m<sup>2</sup>):

11. Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (m<sup>2</sup>):

12. Hình thức sử dụng đất:

**Nhà nước giao đất tái định cư có thu tiền sử dụng đất**

13. Giá đất tính tiền sử dụng đất (đồng/m<sup>2</sup>):    **420.000**

### **III. TÍNH THUẾ CỦA CƠ QUAN THUẾ**

1. Giá của loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng:

2. Giá của loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng:    **420.000**

3. Người sử dụng đất nộp tiền sử dụng đất theo mức:

3.1. Chênh lệch giữa tiền sử dụng đất của 2 loại đất khi chuyển mục đích: ☐

3.2. Bằng 50% chênh lệch giữa tiền sử dụng đất của 2 loại đất: ☐

3.3. Bằng 20% giá đất quy định tính thu tiền sử dụng đất: ☐

3.4. Bằng 30% giá đất quy định tính thu tiền sử dụng đất: ☐

3.5. Bằng 40% giá đất quy định tính thu tiền sử dụng đất: ☐

3.6. Bằng 50% giá đất quy định tính thu tiền sử dụng đất: ☐

3.7. Bằng 60% giá đất quy định tính thu tiền sử dụng đất: ☐

3.8. Bằng 70% giá đất quy định tính thu tiền sử dụng đất: ☐

3.9. Bằng 100% tiền sử dụng đất: ☐

3.10. Trường hợp khác: ☐

4. Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp:    **63.000.000 đồng**

5. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các khoản giảm trừ khác (nếu có):

5.1 Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoàn trả cho ngân sách nhà nước được trừ vào tiền sử dụng đất:

5.2. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tự nguyện ứng trước được trừ vào tiền sử dụng đất:

5.2.1. Phân bổ được trừ:

5.2.2. Không được trừ tính vào chi phí đầu tư của dự án :

5.3. Các khoản giảm trừ khác:

6. Giảm tiền sử dụng đất (nếu có):

6.1. Lý do giảm:

6.2. Thời gian giảm:

6.3. Số tiền giảm:    **0 đồng**

7. Số tiền còn phải nộp ngân sách nhà nước  $[(7) = (4) - (5.1) - (5.2.1) - (5.3) - (6.3)]:$     **63.000.000 đồng**

*(Viết bằng chữ: Sáu mươi ba triệu đồng)*

8. Thời hạn nộp tiền:

- Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo, người sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất.
- Chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo, người sử dụng đất phải nộp 50% tiền sử dụng đất còn lại theo Thông báo này.

**IV. THÔNG TIN NỘP NGÂN SÁCH** (Người nộp thuế, ngân hàng, kho bạc nhà nước phải ghi đầy đủ các thông tin dưới đây trên chứng từ nộp tiền khi nộp tiền vào ngân sách nhà nước)

1. Tên người nộp thuế: **Đỗ Quang Phong, Trương Thị Định**
2. Mã số thuế: **051082020102**
3. Tài khoản thu ngân sách nhà nước của kho bạc nhà nước: KBNN Khu vực XV - PGD số 21 mở tại ngân hàng: Vietinbank CN Đức Phổ; Vietcombank-CN Đức Phổ; Agribank-CN Đức Phổ, BIDV-CN Đức Phổ hoặc có thể thanh toán trên Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn>
4. Tên cơ quan quản lý thu: Xã Khánh Cường - Thuế cơ sở 3 tỉnh Quảng Ngãi, Mã cơ quan quản lý thu: 1141842
5. Tên chương: Hộ gia đình, cá nhân, Mã chương: 857
6. Tên nội dung kinh tế (Tiểu mục): Đất được nhà nước giao, Mã tiểu mục: 1401
7. Tên địa bàn hành chính: Xã Khánh Cường, Mã địa bàn hành chính: 21472
8. Mã định danh hồ sơ (nếu có): LTB2650523-TK0001850

*Trường hợp người nộp thuế chậm nộp tiền sử dụng đất vào ngân sách nhà nước sau thời hạn nộp theo thông báo này (trừ trường hợp được ghi nợ tiền sử dụng đất theo quy định) thì ngoài số tiền sử dụng đất phải nộp, người nộp thuế phải tự xác định số tiền chậm nộp (= số ngày chậm nộp x 0,03%/ngày); nộp đầy đủ tiền sử dụng đất phải nộp và tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước.*

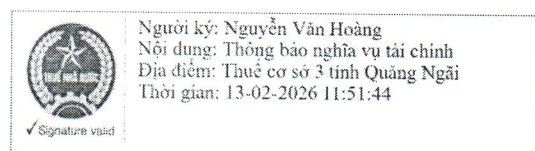
Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với Thuế cơ sở 3 tỉnh Quảng Ngãi theo số điện thoại: 0255-3859567, địa chỉ: Đường Phạm Hữu Nhật, tổ dân phố 5, Phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi để được hướng dẫn cụ thể.

Thuế cơ sở 3 tỉnh Quảng Ngãi thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Đỗ Quang Phong;
- Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai khu vực VII;
- Các bộ phận liên quan;
- Lưu: VT, bộ phận ban hành TB.

**TRƯỞNG THUẾ CƠ SỞ**



**Nguyễn Văn Hoàng**





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ**

(Áp dụng đối với nhà, đất)

[01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh ngày ... tháng ... năm ...

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ:...

☐ Tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay cho người nộp thuế

[04] Người nộp thuế: Đỗ Quang Phóng

[05] Mã số thuế:

[06] Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế): 051082020102

[07] Địa chỉ: Thôn Rừng Trũng, xã Khánh Cường

[08] Quận/huyện: ..... [09] Tỉnh/Thành phố: Quảng Ngãi

[10] Điện thoại: ..... [11] Fax: ..... [12] Email: .....

[13] Đại lý thuế; hoặc Tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay (nếu có): .....

[14] Mã số thuế:

[15] Hợp đồng đại lý thuế: Số: ..... ngày .....

**ĐẶC ĐIỂM NHÀ ĐẤT:**

1. Đất: .....

1.1. Thửa đất số (Số hiệu thửa đất): 496; Tờ bản đồ số: 35

1.2. Địa chỉ thửa đất:

1.2.1. Số nhà: ..... Tòa nhà: ..... Ngõ/Hẻm: .....

Đường/Phố: ..... Thôn/xóm/ấp: Khu tái định cư Cầu Ông Văn

1.2.2. Phường/xã: Khánh Cường

1.2.3. Quận/huyện: .....

1.2.4. Tỉnh/thành phố: Quảng Ngãi

1.3. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm): Đất mặt tiền/Khu tái định cư Cầu Ông Văn

1.4. Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn

1.5. Diện tích (m<sup>2</sup>): 150m<sup>2</sup>

1.6. Nguồn gốc nhà đất (đất được Nhà nước giao, cho thuê; đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng cho): Nhà nước giao đất 10 thu tiền sử dụng đất

a) Tên tổ chức, cá nhân chuyển giao QSDĐ:

- Tên tổ chức/cá nhân chuyển giao QSDĐ: .....

- Mã số thuế: .....

- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế): .....

- Địa chỉ người giao QSDĐ: .....

b) Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao QSDĐ ngày ..... tháng ..... năm .....

1.7. Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có):



## 2. Nhà:

2.1. Thông tin về nhà ở, nhà làm việc, nhà sử dụng cho mục đích khác:

Cấp nhà: ..... Loại nhà: ..... Hạng nhà: .....

Trường hợp là nhà ở chung cư:

Chủ dự án: ..... Địa chỉ dự án, công trình: .....

Kết cấu: ..... Số tầng nổi: ..... Số tầng hầm: .....

Diện tích sở hữu chung (m<sup>2</sup>): ..... Diện tích sở hữu riêng (m<sup>2</sup>): .....2.2. Diện tích nhà (m<sup>2</sup>):Diện tích xây dựng (m<sup>2</sup>): .....Diện tích sàn xây dựng (m<sup>2</sup>): .....

2.3. Nguồn gốc nhà: .....

a) Tự xây dựng:

- Năm hoàn công (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà): .....

b) Mua, thừa kế, tặng cho:

- Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà: Ngày ..... tháng ..... năm .....

2.4. Giá trị nhà (đồng): .....

3. Giá trị nhà, đất thực tế nhận chuyển nhượng ☐, nhận thừa kế ☐, nhận tặng cho ☐ (đồng):

.....

4. Tài sản thuộc diện được miễn lệ phí trước bạ (lý do):

.....

5. Thông tin đồng chủ sở hữu nhà, đất (nếu có):

| STT | Tên tổ chức/cá nhân đồng sở hữu | Mã số thuế | Số CMND/CCCD/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế) | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|-----|---------------------------------|------------|-------------------------------------------------------|------------------|
|     |                                 |            |                                                       |                  |
|     |                                 |            |                                                       |                  |

6. Giấy tờ có liên quan, gồm:

- .....

- .....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số: .....

..., ngày 3... tháng 12 năm 2025

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

hoặc

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC ỦY QUYỀN KHAI THAY

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký  
điện tử)

Phong

Đỗ Quang Phong

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

- [01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh ☐  
[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ ☐

1. Tên tổ chức, cá nhân sử dụng đất (SDĐ): Ông Đỗ Quang Phòng  
1.1. Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền SDĐ: thôn Dân Trường, xã Chánh Cường, Tỉnh Quảng Ngãi  
1.2. Điện thoại liên hệ (nếu có): Fax email:  
1.3. Đại lý thuế (nếu có) :  
1.4. Mã số thuế:   
1.5. Địa chỉ: thôn Dân Trường, xã Chánh Cường  
1.6. Quận/huyện: Tỉnh/Thành phố: Quảng Ngãi  
1.7. Điện thoại: Fax: Email:   
1.8. Hợp đồng đại lý thuế số : ngày  
2. Giấy tờ về quyền SDĐ (quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai), gồm:

3. Đặc điểm thửa đất:

3.1. Địa chỉ thửa đất: thôn Dân Trường, xã Chánh Cường, Tỉnh Quảng Ngãi  
Số nhà .... Ngõ (ngách, hẻm, ...) Đường phố .... phường (xã, thị trấn)..... Quận (huyện)..... Tỉnh (Thành phố).....  
3.2. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm): mặt tiền Nhà ĐC Dân Trường  
3.3. Loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng:  
3.4. Loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng:  
3.5. Thời điểm được quyền sử dụng đất: ngày..... tháng..... năm.....  
3.6. Nguồn gốc sử dụng đất: Đất được giao tại định cư theo QĐ số 3502/QĐ-UBND  
4. Diện tích nộp tiền sử dụng đất (m<sup>2</sup>): 150m<sup>2</sup>

4.1. Đất ở tại nông thôn:

a) Trong hạn mức giao đất ở:

Trong đó:

Diện tích trong hạn mức giao đất ở lựa chọn tính giá UBND cấp tỉnh quy định (nếu có):

b) Ngoài hạn mức giao đất ở:

4.2. Đất ở tại đô thị:

a) Diện tích sử dụng riêng:

Trong đó:

Diện tích trong hạn mức giao đất ở lựa chọn tính giá UBND cấp tỉnh quy định (nếu có):

b) Diện tích sử dụng chung:



4.3. Diện tích đất sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

4.4. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối:

5. Các khoản được giảm trừ tiền SDD hoặc thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất (nếu có):

5.1. Số tiền thực tế bồi thường thiệt hại, hỗ trợ về đất:

5.2. Số tiền sử dụng đất, thuê đất đã nộp trước (nếu có):

5.3. Miễn, giảm tiền sử dụng đất (ghi rõ căn cứ văn bản quy phạm pháp luật áp dụng)

Không thuộc đối tượng miễn giảm

6. Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm (hoặc giảm trừ) tiền sử dụng đất (nếu bản sao thì phải có công chứng) và các chứng từ về chi phí bồi thường đất, hỗ trợ đất, chứng từ về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp trước...

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu kê khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

....., Ngày...3... tháng...12... năm...2025...

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Phong

Đỗ Quang Phong

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP**

(Áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân trừ chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất)

[01] Kỳ tính thuế: Năm .....

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ:...

**I. PHẦN NGƯỜI NỘP THUẾ TỰ KHAI**

**1. Người nộp thuế:**

[04] Họ và tên: Ông Đỗ Quang Phong

[05] Ngày/tháng/năm sinh: 10/12/1982

[06] Mã số thuế:

[07] Số CMND/Hộ chiếu/CCCD (trường hợp cá nhân chưa có MST): 051082020102

[08] Ngày cấp: 17/12/2021 [09] Nơi cấp: Cục CCSĐKK và TT-XH

[10] Địa chỉ cư trú:

[10.1] Số nhà: [10.2] Đường/phố:

[10.3] Tổ/thôn: Diên Trường [10.4] Phường/xã/thị trấn: Khánh Cường

[10.5] Quận/huyện: [10.6] Tỉnh/Thành phố: Quảng Ngãi

[11] Địa chỉ nhận thông báo thuế:

[12] Điện thoại:

**2. Đại lý thuế (nếu có):**

[13] Tên đại lý thuế:

[14] Mã số thuế:

[15] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

**3. Thừa đất chịu thuế:**

[16] Thông tin người sử dụng đất:

| STT | Họ và tên       | MST | CMND/CCCD/HC<br>(trường hợp cá nhân chưa<br>có MST) | Tỷ lệ |
|-----|-----------------|-----|-----------------------------------------------------|-------|
| 1   | Đỗ Quang Phong  |     | 051082020102                                        | 50%   |
| 2   | Trương Thị Định |     | 051184018379                                        | 50%   |

[17] Địa chỉ thửa đất:

[17.1] Số nhà: [17.2] Đường/phố:

[17.3] Tổ/thôn: Diên Trường [17.4] Phường/xã/thị trấn: Khánh Cường

[17.5] Quận/huyện: [17.6] Tỉnh/Thành phố: Quảng Ngãi

[18] Là thửa đất duy nhất: ☐



- [19] Đăng ký kê khai tổng hợp tại (Quận/Huyện): .....
- [20] Đã có giấy chứng nhận: ☐
- [20.1] Số giấy chứng nhận: ..... [20.2] Ngày cấp: .....
- [20.3] Thửa đất số: ..... [20.4] Tờ bản đồ số: .....
- [20.5] Diện tích: ..... [20.6] Loại đất/ Mục đích sử dụng: .....
- [21] Tổng diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp:
- [21.1] Diện tích đất sử dụng đúng mục đích: .....
- [21.2] Diện tích đất sử dụng sai mục đích/chưa sử dụng theo đúng quy định: .....
- [21.3] Hạn mức (nếu có): .....
- [21.4] Diện tích đất lấn, chiếm: .....
- [22] Chưa có giấy chứng nhận: ☒
- [22.1] Diện tích: ...150m<sup>2</sup>... [22.2] Loại đất/ Mục đích đang sử dụng: ...ONT...
- [23] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất: .....
- [24] Thời điểm thay đổi thông tin của thửa đất: .....

**4. Đối với đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư [25]** (tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng):

[25.1] Loại nhà: ..... [25.2] Diện tích: ..... [25.3] Hệ số phân bổ: .....

**5. Trường hợp miễn, giảm thuế [26]** (ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách, ...):

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**

Họ và tên: .....

Chứng chỉ hành nghề số: .....

..., ngày 3... tháng 12 năm 2015

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký  
điện tử)

Phong

Đoàn Quang Phong

## II. PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN CHỨC NĂNG (Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam)

### 1. Người nộp thuế

- [27] Họ và tên: Ông. Đỗ Quang Phong  
 [28] Ngày/ tháng/ năm sinh: 10/12/1982  
 [29] Mã số thuế: 

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|

|  |  |  |
|--|--|--|
|  |  |  |
|--|--|--|

  
 [30] Số CMND/Hộ chiếu/CCCD: CCCD số: 051082.020102  
 [31] Ngày cấp: 17/12/2021 [32] Nơi cấp: Cục CS QL HC về TT.XH

### 2. Thửa đất chịu thuế

- [33] Địa chỉ: Thửa đất số 196, tờ bản đồ số 110 khu tái định cư Cầu Ông Văn  
 [33.1] Số nhà: [33.2] Đường/phố:  
 [33.3] Tò/thôn: Dân Trường [33.4] Phường/xã/thị trấn: Khánh Cường  
 [33.5] Quận/huyện: [33.6] Tỉnh/Thành phố: Quảng Ngãi  
 [34] Đã có giấy chứng nhận: ☐  
 [34.1] Số giấy chứng nhận: [34.2] Ngày cấp:  
 [34.3] Thửa đất số: [34.4] Tờ bản đồ số:  
 [34.5] Diện tích đất phi nông nghiệp ghi trên GCN:  
 [34.6] Diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp:  
 [34.7] Loại đất/ Mục đích sử dụng:  
 [34.8] Hạn mức (Hạn mức tại thời điểm cấp GCN):  
 [35] Chưa có giấy chứng nhận: ☒  
 [35.1] Diện tích: 100 m<sup>2</sup> [35.2] Loại đất/ Mục đích đang sử dụng: ONT  
 [36] Thời điểm bắt đầu sử dụng đất:  
 [37] Thời điểm thay đổi thông tin của thửa đất:

**3. Trường hợp miễn, giảm thuế [38]** (ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách ...):

### 4. Căn cứ tính thuế

- [39] Diện tích đất thực tế sử dụng: 100 m<sup>2</sup> [40] Hạn mức tính thuế:  
 [41] Thông tin xác định giá đất:  
 [41.1] Loại đất/ mục đích sử dụng: ONT [41.2] Tên đường/vùng:  
 [41.3] Đoạn đường/khu vực: KDC Cầu Ông Văn (KV2) [41.4] Loại đường:  
 [41.5] Vị trí/hạng: V.5 [41.6] Giá đất: 220.000 đ/m<sup>2</sup> [41.7] Hệ số (đường/hẻm...):  
 [41.8] Giá 1 m<sup>2</sup> đất (Giá đất theo mục đích sử dụng): 220.000 đồng/m<sup>2</sup>

### 5. Diện tích đất tính thuế

**5.1. Đất ở (Tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh)**

Tính trên diện tích có quyền sử dụng

| [42] Diện tích trong hạn mức<br>(thuế suất: 0,03%) | [43] Diện tích vượt không quá<br>3 lần hạn mức<br>(thuế suất: 0,07%) | [44] Diện tích vượt trên 3<br>lần hạn mức<br>(thuế suất 0,15%) |
|----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| ...                                                | ...                                                                  | ...                                                            |



5.2. Đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư (tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng):

[45] Diện tích: ..... [46] Hệ số phân bổ: .....

5.3. Diện tích đất sản xuất kinh doanh – Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích:

[47] Diện tích: ..... [48] Hệ số phân bổ (đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư): .....

5.4. Đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo đúng quy định:

[49] Diện tích: ..... [50] Mục đích thực tế đang sử dụng: .....

[51] Hệ số phân bổ (đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư): .....

5.5. Đất lấn chiếm:

[52] Diện tích: ..... [53] Mục đích thực tế đang sử dụng: .....

[54] Hệ số phân bổ (đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư): .....

..., ngày 12 tháng 12 năm 2025



PHÒNG KINH TẾ  
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Trần Hoàng Vũ

..., ngày 12 tháng 12 năm 2025



CHỦ TỊCH UBND XÃ/PHƯỜNG  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phạm Ngọc Thạch

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC PHỔ**

Số: 6292/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đức Phổ, ngày 25 tháng 11 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bố trí đất  
tái định cư dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 tỉnh  
Quảng Ngãi; Phân đoạn Km1101 + 317 ÷ Km1125+000;  
Địa điểm: Xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ (Đợt 14)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC PHỔ**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 1352/QĐ-BGTVT ngày 22/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km1027-Km1063+877 và Km1092+577-Km1125+000, tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 05/3/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 06/6/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định về đơn giá bồi thường nhà, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành quy định mật độ và đơn giá cây trồng để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2015-2019);

Căn cứ Quyết định số 3159/QĐ-UBND ngày 12/6/2014 của UBND huyện Đức Phổ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt



Đã được phê duyệt và ban hành tại UBND huyện Đức Phổ ngày 25/11/2015.  
Số: 6292/QĐ-UBND



bằng dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1, tỉnh Quảng Ngãi; Phân đoạn Km1101+317 - Km1125+00; Địa điểm: Xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ (đợt 4);

Căn cứ Quyết định số 3160/QĐ-UBND ngày 12/6/2014 của UBND huyện Đức Phổ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1, tỉnh Quảng Ngãi; Phân đoạn Km1101+317 - Km1125+00; Địa điểm: Xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ (đợt 5);

Căn cứ Quyết định số 4195/QĐ-UBND ngày 24/6/2014 của UBND huyện Đức Phổ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1, tỉnh Quảng Ngãi; Phân đoạn Km1101+317 - Km1125+00; Địa điểm: Xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ (đợt 6);

Căn cứ Quyết định số 4800/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của UBND huyện Đức Phổ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1, tỉnh Quảng Ngãi; Phân đoạn Km1101+317 - Km1125+00; Địa điểm: Xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ (đợt 8);

Căn cứ Quyết định số 7070/QĐ-UBND ngày 08/10/2014 của UBND huyện Đức Phổ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1, tỉnh Quảng Ngãi; Phân đoạn Km1101+317 - Km1125+00; Địa điểm: Xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ (đợt 9);

Căn cứ Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 13/3/2015 của UBND huyện Đức Phổ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1, tỉnh Quảng Ngãi; Phân đoạn Km1101+317 - Km1125+00; Địa điểm: Xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ (đợt 12);

Căn cứ Quyết định số 6237/QĐ-UBND ngày 29/8/2014 của UBND huyện Đức Phổ về việc phê duyệt phương án bố trí tái định cư để thực hiện dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn Km 1027 ÷ Km 1063+877 và Km 1092+577 ÷ Km 1125+000, tỉnh Quảng Ngãi; Địa điểm: Xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ (Đợt 1);

Xét đề nghị của Ban quản lý các dự án ĐT&XD CTGT Quảng Ngãi tại Tờ trình số 1949/TTr-BQL ngày 10 tháng 11 năm 2015 về việc thẩm định, phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 14) dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1, tỉnh Quảng Ngãi; địa điểm: xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ;

Theo đề nghị của trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đức Phổ tại Báo cáo thẩm định số: 355/BC-TNMT ngày 11 tháng 11 năm 2015,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bố trí đất tái định cư dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 tỉnh Quảng Ngãi; Phân đoạn Km1101 + 317 ÷ Km1125+000; Địa điểm: Xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ (Đợt 14) với các nội dung sau:

#### **1. Phần bồi thường, hỗ trợ:**



|     |                                   |      |               |               |               |            |
|-----|-----------------------------------|------|---------------|---------------|---------------|------------|
| 2.3 | Tổng số lô bố trí tái định cư     | lô   | 15            | 26            | 11            | -          |
| 2.4 | Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp | đồng | 1.274.967.593 | 2.279.913.406 | 1.025.945.813 | 21.000.000 |
| 2.5 | Tổng số tiền Nhà nước hỗ trợ      | đồng | 365.146.898   | 513.725.993   | 148.579.095   | -          |

3. Nguồn kinh phí thực hiện phương án: Vốn trái phiếu Chính phủ.

4. Tiến độ thực hiện phương án: Năm 2015.

(Số liệu chi tiết được thể hiện cụ thể trong phương án)

**Điều 2.** Quyết định này là căn cứ để Ban quản lý các dự án ĐT&XD CTGT Quảng Ngãi phối hợp với UBND xã Phổ Khánh, Chủ đầu tư và các cơ quan liên quan tiến hành bồi thường, hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các nội dung còn lại tại Quyết định số: 3159/QĐ-UBND ngày 12/6/2014; 3160/QĐ-UBND ngày 12/6/2014; 4195/QĐ-UBND ngày 24/6/2014; 4800/QĐ-UBND ngày 27/6/2014; 7070/QĐ-UBND ngày 08/10/2014; 723/QĐ-UBND ngày 13/3/2015 và Quyết định số 6237/QĐ-UBND ngày 29/8/2014 của UBND huyện Đức Phổ không trái với nội dung được phê duyệt tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

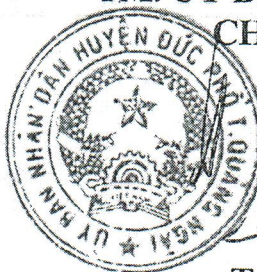
**Điều 4.** Các ông Chánh văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng; Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, Chi nhánh Đức Phổ; Kho bạc Nhà nước; Giám đốc Ban quản lý các dự án ĐT&XD CTGT Quảng Ngãi; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phổ Khánh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. / *Được*

Nơi nhận:

- Như Điều 4; *Đ*
- CT, PCT UBND huyện;
- Lưu: VP; (HS).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Trần Em



| STT | Nội dung                                               | ĐVT            | Khối lượng, giá trị đã được phê duyệt | Khối lượng, giá trị điều chỉnh, bổ sung | Chênh lệch  |          |
|-----|--------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|-------------|----------|
|     |                                                        |                |                                       |                                         | Tăng (+)    | Giảm (-) |
| 1.1 | Tổng diện tích đất lập phương án                       | m <sup>2</sup> | 2.671,8                               | 2.874,5                                 | 202,7       | -        |
| -   | Tổng diện tích đất bồi thường, hỗ trợ                  | m <sup>2</sup> | 2.220                                 | 2.661,4                                 | 441,4       | -        |
| 1.2 | Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (làm tròn số)          | đồng           | 1.070.206.133                         | 1.632.093.504                           | 561.887.317 | -        |
|     | a. Chi phí bồi thường, hỗ trợ trực tiếp                | đồng           | 989.557.220                           | 1.509.101.713                           | 519.544.493 | -        |
|     | + Bồi thường, hỗ trợ về đất                            | đồng           | 845.388.000                           | 1.020.500.000                           | 175.112.000 | -        |
|     | + Bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình, vật kiến trúc | đồng           | 123.059.517                           | 445.313.713                             | 322.254.195 | -        |
|     | + Bồi thường, hỗ trợ về cây cối, hoa màu               | đồng           | 0                                     | 2.200.000                               | 2.200.000   | -        |
|     | + Các khoản hỗ trợ                                     | đồng           | 21.109.703                            | 41.088.000                              | 19.978.298  | -        |
|     | b. Chi phí phục vụ bồi thường, GPMB (3%)               | đồng           | 29.686.717                            | 45.273.052                              | 15.586.335  | -        |
|     | + Chi cho đơn vị lập phương án (82%)                   | đồng           | 24.343.108                            | 37.123.903                              | 12.780.795  | -        |
|     | + Chi cho UBND cấp huyện (2%)                          | đồng           | 593.734                               | 905.461                                 | 311.727     | -        |
|     | + Chi cho phòng TN&MT (2%)                             | đồng           | 593.734                               | 905.461                                 | 311.727     | -        |
|     | + Chi cho UBND cấp xã (10%)                            | đồng           | 2.968.672                             | 4.527.305                               | 1.558.634   | -        |
|     | + Chi cho việc thẩm định (4%)                          | đồng           | 1.187.470                             | 1.810.923                               | 632.453     | -        |
|     | c. Dự phòng chi (5%)                                   | đồng           | 50.962.196                            | 77.718.738                              | 26.756.542  | -        |

## 2. Phân bổ trí tái định cư:

| STT | Nội dung                         | ĐVT            | Khối lượng, giá trị đã được phê duyệt | Khối lượng, giá trị điều chỉnh, bổ sung | Chênh lệch |          |
|-----|----------------------------------|----------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|------------|----------|
|     |                                  |                |                                       |                                         | Tăng (+)   | Giảm (-) |
| 2.1 | Tổng diện tích đất lập phương án | m <sup>2</sup> | 4.499,2                               | 7.658                                   | 3.158,8    | -        |
| 2.2 | Tổng số hộ bố trí tái định cư    | hộ             | 15                                    | 25                                      | 10         | -        |



ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ PHỔ KHÁNH

Số: 33 /TTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phổ Khánh, ngày 2 tháng 6 năm 2022

### TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị giao đất tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án: Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua địa bàn xã Phổ Khánh

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 1352/QĐ-BGTVT ngày 22/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km1027 – Km1063+877 và Km1092+557 – km1125+000, tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 6292/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 của UBND huyện Đức Phổ (nay là thị xã Đức Phổ) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 tỉnh Quảng Ngãi; Phần đoạn Km1101 + 317 – km1125 + 000; Địa điểm: Xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ (đợt 14);

Căn cứ Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 30/5/2016 của UBND huyện Đức Phổ (nay là thị xã Đức Phổ) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 tỉnh Quảng Ngãi; Phần đoạn Km1101 + 317 – km1125 + 000; Địa điểm: Xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ (đợt 15).

Tại thời điểm năm 2015, 2016, thực hiện phương án được UBND huyện Đức Phổ phê duyệt tại Quyết định Quyết định số 6292/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 và Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 30/5/2016. UBND xã Phổ Khánh hướng dẫn các hộ gia đình, cá nhân lập hồ sơ để được giao đất theo quy định thì các hộ này lại so sánh giá đất nộp tiền sử dụng đất tại dự án Cầu vượt đường sắt năm 2012 với dự án Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ (giá đất tái định cư tại dự án Cầu vượt đường sắt phải nộp tiền sử dụng đất thấp hơn giá đất tái định cư dự án Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ).



Bên cạnh đó, UBND xã đã nhiều lần mời các hộ dân giải thích với nội dung: *Giá đất tại các khu tái định cư được UBND tỉnh ban hành cho từng dự án cụ thể, vì vậy việc so sánh của các hộ là không phù hợp.* Tuy nhiên, các hộ này vẫn không thống nhất.

Đến nay, các hộ này đã thống nhất lập hồ sơ giao đất theo phương án đã được UBND huyện Đức Phổ tại 02 Quyết định nêu trên.

Nhằm tạo điều kiện cho các hộ dân sớm được nhận quyết định giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định, UBND xã Phò Khánh kính đề nghị UBND thị xã Đức Phổ xem xét ban hành Quyết định giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân với nội dung sau:

- Tổng số hộ gia đình, cá nhân đề nghị giao đất: 14
- Tổng diện tích được giao đất: 3.910,86m<sup>2</sup>
- Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp: 1.168.993.393 đồng (bằng chữ: một tỷ một trăm sáu mươi tám triệu chín trăm chín mươi ba ngàn ba trăm chín mươi ba đồng)

(chi tiết có danh sách kèm theo)

Kính đề nghị UBND thị xã Đức Phổ quan tâm, giải quyết./.

Nơi nhận:

- UBND thị xã;
- Phòng TNMT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Phạm Kim Oanh

|    |                                                         |                                        |              |        |               |                                    |           |
|----|---------------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------|--------|---------------|------------------------------------|-----------|
|    |                                                         | Khánh                                  |              |        |               | 25/11/2015                         |           |
| 8  | Ông: Nguyễn Đầu và bà Phạm Thị Triều                    | Xóm 3B, thôn Diên Trường, xã Phổ Khánh | Lô 17 CV     | 301,3  | 95.384.048 đ  | QĐ số 6292/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 |           |
| 9  | Bà: Võ Thị Vĩnh                                         | Xóm 3B, thôn Diên Trường, xã Phổ Khánh | Lô 10 CV     | 299,7  | 94.877.528 đ  | QĐ số 6292/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 |           |
| 10 | Ông: Phùng Văn Mừng và bà Nguyễn Thị Diệu               | Xóm 3B, thôn Diên Trường, xã Phổ Khánh | Lô 11 CV     | 301,3  | 95.384.048 đ  | QĐ số 6292/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 |           |
| 11 | Ông: Nguyễn Tiến Nhân và bà Lê Thị Cẩm (bà Cẩm đã chết) | Xóm 22, thôn Trung Sơn, xã Phổ Khánh   | Lô 09 DCEL   | 300,0  | 126.000.000 đ | QĐ số 6292/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 | 630.000 đ |
| 12 | Ông: Đỗ Quang Phòng và bà Trương Thị Định               | Xóm 3B, thôn Diên Trường, xã Phổ Khánh | Lô 16b DCCOV | 150,0  | 63.315.000 đ  | QĐ số 6292/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 |           |
| II | Phương án bố trí TĐC đợt 15                             |                                        |              |        |               |                                    |           |
| 13 | Ông: Phạm Văn Lộc                                       | Xóm 6, thôn Diên Trường, xã Phổ Khánh  | Lô 21 CV     | 301,3  | 95.384.048 đ  | QĐ số 1688/QĐ-UBND ngày 30/5/2016  |           |
| 14 | Ông: Nguyễn Minh Tuấn và bà Võ Thị Hà                   | Xóm 3B, thôn Diên Trường, xã Phổ Khánh | Lô 15b CV    | 150,56 | 47.663.532 đ  | QĐ số 1688/QĐ-UBND ngày 30/5/2016  |           |



# DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP THUỘC ĐỐI TƯỢNG TÁI ĐỊNH CƯ

Phương án bố trí TĐDC đợt 14, 15.

(Kèm theo Tờ trình số 33./TTr- UBND ngày 2..tháng 1..năm 2022)

| Số TT | Họ và Tên                               | Hộ Khẩu Thường Trú                     | Vị trí đất TĐC | Diện tích m <sup>2</sup> | Tiền sử dụng đất phải nộp khi giao đất (đồng) | QĐ giao đất                        | Ghi chú Số tiền nhà nước hỗ trợ (đồng) |
|-------|-----------------------------------------|----------------------------------------|----------------|--------------------------|-----------------------------------------------|------------------------------------|----------------------------------------|
| I     | Phương án bố trí TĐC đợt 14             |                                        |                |                          |                                               |                                    |                                        |
| 1     | Ông: Nguyễn Văn Công và bà Lê Thị Lan   | Xóm 22, thôn Trung Sơn, xã Phò Khánh   | Lô 08 DCĐL     | 300,0                    | 126.630.000 đ                                 | QĐ số 6292/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 |                                        |
| 2     | Ông: Võ Văn Thu và bà Lâm Thị Cam       | Xóm 3B, thôn Diên Trường, xã Phò Khánh | Lô 14 CV       | 301,3                    | 94.909.500 đ                                  | QĐ số 6292/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 | 474.548 đ                              |
| 3     | Ông: Nguyễn Văn Hào và bà Phạm Thị Nhi  | Xóm 3B, thôn Diên Trường, xã Phò Khánh | Lô 20 CV       | 301,3                    | 21.884.048 đ                                  | QĐ số 6292/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 | 73.500.000 đ                           |
| 4     | Ông: Phạm Nhỏ và bà Phạm Thị Thêm       | Xóm 3A, thôn Diên Trường, xã Phò Khánh | Lô 12 CV       | 301,3                    | 21.409.500 đ                                  | QĐ số 6292/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 | 73.974.548 đ                           |
| 5     | Bà: Đỗ Thị Bảy                          | Xóm 3B, thôn Diên Trường, xã Phò Khánh | Lô 16 CV       | 301,3                    | 95.384.048 đ                                  | QĐ số 6292/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 |                                        |
| 6     | Bà: Lê Thị Lan                          | Xóm 3B, thôn Diên Trường, xã Phò Khánh | Lô 19 CV       | 301,3                    | 95.384.048 đ                                  | QĐ số 6292/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 |                                        |
| 7     | Ông: Võ Ngọc Ánh và bà Võ Thị Minh Tùng | Xóm 3B, thôn Diên Trường, xã Phò Khánh | Lô 18 CV       | 301,3                    | 95.384.048 đ                                  | QĐ số 6292/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 |                                        |



PHÒNG KINH TẾ

Số: 26/PCTTĐC

Khánh Cường, ngày 05 tháng 02 năm 2026

PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI

Kính gửi: Thuế cơ sở 3 tỉnh Quảng Ngãi

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

1.1. Mã hồ sơ thủ tục hành chính<sup>(1)</sup>: H48.210-251204-0013

1.2. Ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ<sup>(2)</sup>: 05/12/2025

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

2.1. Tên<sup>(3)</sup>: Ông ĐỖ QUANG PHÔNG, năm sinh 1982 và Bà TRƯƠNG THỊ ĐỊNH, năm sinh 1984

2.1. Địa chỉ<sup>(4)</sup>: xã Khánh Cường, tỉnh Quảng Ngãi

2.3. Số điện thoại liên hệ: -/-; Email (nếu có): -/-

2.4. Mã số thuế (nếu có): -/-

2.5. Giấy tờ pháp nhân/Số hộ chiếu/Số định danh cá nhân<sup>(5)</sup>:

Số CCCD và số CC: 051082020102 và 051184018379, ngày cấp: 17/12/2021 và 16/04/2025, nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về TTXH và Bộ Công An

2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính<sup>(6)</sup>: Giao đất

III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

3.1. Thông tin về đất

3.1.1. Thửa đất số: 496; Tờ bản đồ số: 110;

3.1.2. Địa chỉ tại <sup>(7)</sup>: Thôn Diên Trường, xã Khánh Cường, tỉnh Quảng Ngãi;

3.1.3.1 Vị trí theo Bảng giá đất:

- Đường/Đoạn đường/Khu vực: Khánh Cường - Khu vực 2 (Phổ Khánh cũ)/Đất mặt tiền Khu tái định cư Cầu Ông Văn

- Vị trí thửa đất: Vị trí 5, Khu vực 2

- Chiều sâu của thửa đất (nếu có): -/-

- Chiều rộng hẻm (Nếu có): -/-

3.1.3.2 Giá đất:

- Giá đất theo bảng giá (đối với trường hợp áp dụng theo bảng giá) (m<sup>2</sup>): 420.000 đồng/m<sup>2</sup>



- Giá đất cụ thể ( $m^2$ ): -/-

- Giá trúng đấu giá ( $m^2$ ): -/-

- Giá đất trước chuyển mục đích sử dụng đất: -/-

3.1.4. Diện tích thửa đất ( $m^2$ ): **150,0**

- Diện tích sử dụng chung ( $m^2$ ): **150,0**

- Diện tích sử dụng riêng ( $m^2$ ): -/-

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất ( $m^2$ ): **150,0**

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (tiền thuê đất) ( $m^2$ ): -/-

- Diện tích đất trong hạn mức ( $m^2$ ): -/-

- Diện tích đất ngoài hạn mức ( $m^2$ ): -/-

- Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất ( $m^2$ ): -/-

3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất: **Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất**

3.1.6. Mục đích sử dụng đất<sup>(8)</sup>: **ONT (Đất ở tại nông thôn)**

Mục đích sử dụng đất trước khi chuyển mục đích: -/-

3.1.7. Thời hạn sử dụng đất: **Lâu dài**

3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày: -/-

3.1.9. Hình thức sử dụng đất<sup>(9)</sup>: -/-

3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất<sup>(10)</sup>: -/-

### **3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất**

3.2.1. Loại nhà ở, công trình: -/-; cấp hạng nhà ở, công trình: -/-

3.2.2. Diện tích xây dựng ( $m^2$ ): -/-

3.2.3. Diện tích sàn xây dựng/diện tích sử dụng ( $m^2$ ): -/-

3.2.4. Diện tích sở hữu chung ( $m^2$ ): -/-; Diện tích sở hữu riêng ( $m^2$ ): -/-

3.2.5. Số tầng: -/-; trong đó, số tầng nổi: -/- tầng, số tầng hầm: -/- tầng

3.2.6. Nguồn gốc: -/-

3.2.7. Năm hoàn thành xây dựng: -/-

3.2.8. Thời hạn sở hữu đến: -/-

## **IV. THÔNG TIN CỤ THỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP THUÊ ĐẤT ĐỂ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM TRONG LÒNG ĐẤT, THUÊ ĐẤT CÓ MẶT NƯỚC**

1. Đối với thuê đất để xây dựng công trình ngầm trong lòng đất (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất và không phải là đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm):

- Diện tích đất (m<sup>2</sup>): -/-

- Giá đất tính tiền thuê đất: -/-

2. Đối với thuê đất có mặt nước:

- Diện tích đất (m<sup>2</sup>): -/-

- Diện tích mặt nước (m<sup>2</sup>): -/-

- Giá đất tính tiền thuê đất của phần diện tích đất: -/-

#### V. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH

- Tiền sử dụng đất: -/-

- Lệ phí trước bạ: -/-

#### VI. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP <sup>(12)</sup>

1. Quyết định số 3502/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 về việc giao đất cho ông Đỗ Quang Phong và bà Trương Thị Định.

2. Trích lục bản đồ địa chính do VP ĐKĐĐ tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh Đức Phổ ( nay là VP ĐKĐĐ tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh VP ĐKĐĐ khu vực VII) lập ngày 14/9/2022.

3. Các tờ khai thuế

4. Đơn đề nghị giao đất

5. Quyết định số 3096/QĐ-UBND ngày 11/6/2014 về việc thu hồi đất.

6. Quyết định số 6292/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bố trí đất tái định cư dự án (kèm theo phương án chi tiết).

7. Tờ trình số 33/TTr-UBND ngày 2/6/2022 của UBND xã Phổ Khánh về việc đề nghị giao đất tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án: Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua địa bàn xã Phổ Khánh.

8. Phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính.

Nơi nhận:

- Như trên

- Lưu hồ sơ

**TRƯỞNG PHÒNG**  
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)  
**PHÒNG KINH TẾ**  
*Trương Anh Dương*

#### BẢNG KÊ CHI TIẾT

Bảng 1: Danh sách đồng sử dụng, đồng sở hữu

| STT | Tên chủ sở hữu                | Địa chỉ                         | Mã số thuế (Nếu có) | Số giấy tờ   | Ngày cấp   | Nơi cấp                                 | Tỷ lệ sở hữu | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|-------------------------------|---------------------------------|---------------------|--------------|------------|-----------------------------------------|--------------|----------------------|
| 1   | ĐỖ QUANG PHÔNG, năm sinh 1982 | xã Khánh Cường, tỉnh Quảng Ngãi |                     | 051082020102 | 17/12/2021 | Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về TTXH | 50           |                      |



| STT | Tên chủ sở hữu                 | Địa chỉ                         | Mã số thuế (Nếu có) | Số giấy tờ   | Ngày cấp   | Nơi cấp    | Tỷ lệ sở hữu | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|--------------------------------|---------------------------------|---------------------|--------------|------------|------------|--------------|----------------------|
| 2   | TRƯƠNG THỊ ĐÌNH, năm sinh 1984 | xã Khánh Cường, tỉnh Quảng Ngãi |                     | 051184018379 | 16/04/2025 | Bộ Công An | 50           |                      |

**Bảng 2: Danh sách người chuyển quyền**

| STT | Tên chủ sở hữu | Địa chỉ | Mã số thuế (Nếu có) | Số giấy tờ | Ngày cấp | Nơi cấp | Tỷ lệ sở hữu | Đối tượng miễn, giảm |
|-----|----------------|---------|---------------------|------------|----------|---------|--------------|----------------------|
|-----|----------------|---------|---------------------|------------|----------|---------|--------------|----------------------|

**Bảng 3.1: Bảng kê thông tin về đất**

(Sử dụng trong trường hợp thửa đất xin cấp giấy chứng nhận được quy định tại nhiều văn bản, thửa đất có nhiều mục đích sử dụng)

| STT | Số thửa | Số tờ | Diện tích | Căn cứ pháp lý | Mục đích sử dụng | Đường/Đoạn đường/Khu vực | Vị trí | Độ sâu thửa đất | Chiều rộng hẻm |
|-----|---------|-------|-----------|----------------|------------------|--------------------------|--------|-----------------|----------------|
|-----|---------|-------|-----------|----------------|------------------|--------------------------|--------|-----------------|----------------|

**Bảng 3.2: Bảng kê thông tin về chuyển mục đích sử dụng đất**

(Sử dụng trong trường hợp thửa đất có nhiều vị trí chuyển mục đích sử dụng xin cấp giấy chứng nhận được quy định tại nhiều văn bản, thửa đất có nhiều vị trí chuyển mục đích sử dụng)

| STT | Số thửa | Số tờ | Mục đích sử dụng | Vị Trí | Diện tích | Mục đích sử dụng trước CMĐ | Vị trí trước CMĐ |
|-----|---------|-------|------------------|--------|-----------|----------------------------|------------------|
|-----|---------|-------|------------------|--------|-----------|----------------------------|------------------|

**Bảng 4: Bảng kê thông tin về tài sản gắn liền với đất**

| STT | Loại nhà, công trình | Cấp nhà, công trình | Kết cấu | Số tầng  |          | Diện tích |          |              | Năm hoàn công |
|-----|----------------------|---------------------|---------|----------|----------|-----------|----------|--------------|---------------|
|     |                      |                     |         | Tầng nổi | Tầng hầm | Sử dụng   | Xây dựng | Sàn xây dựng |               |

**Bảng 5: Bảng kê thông tin miễn giảm**

| STT | Loại đối tượng miễn giảm | Số quyết định | Ngày quyết định | Nơi ra quyết định | Tỷ lệ miễn giảm | Thời gian được miễn giảm |
|-----|--------------------------|---------------|-----------------|-------------------|-----------------|--------------------------|
|-----|--------------------------|---------------|-----------------|-------------------|-----------------|--------------------------|

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN**

Chúng tôi gồm có:

**Bên uỷ quyền** (sau đây gọi là bên A):

Ông : **ĐỖ QUANG PHÔNG** Sinh ngày: 10/12/1982  
Căn cước công dân số : 051082020102 cấp tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH  
ngày 17/12/2021.

Nơi cư trú : Thôn Diên Trường, xã Khánh Cường, tỉnh Quảng Ngãi.  
Là người được giao 150m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 496, tờ bản đồ số 35 tại xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã Khánh Cường, tỉnh Quảng Ngãi) theo Quyết định số 3502/QĐ-UBND về việc giao đất cho ông Đỗ Quang Phông và bà Trương Thị Định thường trú tại xã Phổ Khánh, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi do Ủy ban nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 25/10/2022.

**Bên được uỷ quyền** (sau đây gọi là bên B):

Bà : **NGUYỄN THỊ NGỌC THU** Sinh ngày: 28/5/1988  
Căn cước công dân số : 051188016595 cấp tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH  
ngày 26/8/2021.

Nơi cư trú : Thôn Diên Trường, xã Khánh Cường, tỉnh Quảng Ngãi.

Bằng Hợp đồng này, Ông Đỗ Quang Phông uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Ngọc Thu theo các thoả thuận sau đây:

**ĐIỀU 1**

**NỘI DUNG VÀ PHẠM VI ỦY QUYỀN**

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thu được toàn quyền thay mặt và nhân danh ông Đỗ Quang Phông để nộp hồ sơ và nhận kết quả hoặc rút hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trích lục sơ đồ vị trí, chỉnh lý biên động, đính chính thông tin sai sót (nếu có), được quyền xác định vị trí, ranh giới đất, ký giáp ranh, làm thủ tục đo vẽ, lập bản vẽ, ký tên trên bản vẽ; được nhận kết quả nhận bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các thửa đất nêu trên.

Trong phạm vi uỷ quyền, bà Nguyễn Thị Ngọc Thu được quyền liên hệ với các cơ quan chức năng, các cá nhân và các tổ chức hữu quan để tiến hành các thủ tục thuộc các hành vi đã uỷ quyền của ông Đỗ Quang Phông. Được lập, ký các giấy tờ cần thiết, nộp các khoản thuế, phí, lệ phí và quyết định mọi vấn đề có liên quan các công việc được uỷ quyền nêu trên mà ông Đỗ Quang Phông không khiếu nại hoặc thắc mắc gì.

**ĐIỀU 2**

**THỜI HẠN, THÙ LAO ỦY QUYỀN**

1. Thời hạn uỷ quyền: 05 (năm) năm, kể từ thời điểm công chứng hợp đồng này hoặc khi Hợp đồng uỷ quyền hết hiệu lực theo quy định của pháp luật.



*Phông*

*ngoc thu*

*2*



2. Thù lao uỷ quyền: Không.

### **ĐIỀU 3 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A**

1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:
  - Cung cấp thông tin, tài liệu và các điều kiện cần thiết để bên B thực hiện công việc;
  - Chịu trách nhiệm về cam kết do bên B thực hiện trong phạm vi uỷ quyền;
  - Chịu trách nhiệm nộp phí và thù lao công chứng Hợp đồng uỷ quyền này.
2. Bên A có các quyền sau đây:
  - Yêu cầu bên B thông báo đầy đủ về việc thực hiện công việc thuộc phạm vi uỷ quyền nêu trên;
  - Yêu cầu bên B giao lại tài sản, lợi ích thu được từ việc thực hiện công việc được uỷ quyền, nếu không có thoả thuận khác;
  - Được bồi thường thiệt hại, nếu bên B vi phạm các nghĩa vụ đã thoả thuận.

### **ĐIỀU 4 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B**

1. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:
  - Thực hiện công việc theo uỷ quyền và báo cho bên A về việc thực hiện công việc đó;
  - Báo cho người thứ ba trong quan hệ thực hiện uỷ quyền về thời hạn, phạm vi uỷ quyền và việc sửa đổi, bổ sung phạm vi uỷ quyền;
  - Bảo quản, giữ gìn tài liệu, phương tiện đã được giao để thực hiện việc uỷ quyền;
  - Giao cho bên A tài sản đã nhận và những lợi ích thu được trong khi thực hiện uỷ quyền theo thoả thuận hoặc theo quy định của pháp luật.
2. Bên B có các quyền sau:
  - Quyết định các vấn đề liên quan đến phạm vi công việc được uỷ quyền;
  - Yêu cầu bên A cung cấp thông tin, tài liệu và các điều kiện cần thiết để thực hiện công việc được uỷ quyền.

### **ĐIỀU 5 CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN**

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Những thông tin đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
2. Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp đồng này.
3. Hai bên cùng cam kết: Đã xem xét, tìm hiểu kỹ về tình trạng pháp lý đúng như mô tả trong hợp đồng, tự chịu trách nhiệm về tài liệu, giấy tờ đã cung cấp và không đề nghị Công chứng viên Văn phòng công chứng Hoàng Thị Hương xác minh hoặc yêu cầu giám định.

### **ĐIỀU 6 CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG ỦY QUYỀN**

Hợp đồng uỷ quyền chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

2 





1. Hợp đồng uỷ quyền hết hạn;
2. Công việc uỷ quyền đã hoàn thành;
3. Theo quy định của pháp luật.

### ĐIỀU 7

#### ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

1. Hai bên đã được nghe Công chứng viên Văn phòng công chứng Hoàng Thị Hương giải thích đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

2. Hai bên đã đọc, nghe đọc lại Hợp đồng, đã hiểu rõ và đồng ý tất cả các điều khoản ghi trong Hợp đồng và đã tự nguyện ký tên, điểm chỉ vào Hợp đồng này trước mặt Công chứng viên./.

#### Bên A

(Ký và ghi rõ họ tên, điểm chỉ)

Tôi đã đọc và đồng ý  
Ký

Phan

Đỗ Quy Phan



#### Bên B

(Ký và ghi rõ họ tên, điểm chỉ)

Tôi đã đọc hiểu và đồng ý  
Ký tên

ngl

Nguyễn Thị Ngọc Thu



Đ: 2  
V PHÒ  
G CHL  
3 THỊ HƯ  
T. QU

2





## LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 12 tháng 11 năm 2025 (ngày mười hai tháng mười một năm hai nghìn không trăm hai mươi lăm). Tại Văn phòng công chứng Hoàng Thị Hương, địa chỉ: Số 520 Nguyễn Nghiêm, phường Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Tôi **Hoàng Thị Hương**, công chứng viên, trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật,

### CHỨNG NHẬN:

Hợp đồng ủy quyền được giao kết giữa/bởi:

#### **Bên ủy quyền (Bên A):**

Ông : **ĐỖ QUANG PHÔNG** Sinh ngày: 10/12/1982  
 Căn cước công dân số : 051082020102 cấp tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ngày 17/12/2021.  
 Nơi cư trú : Thôn Diên Trường, xã Khánh Cường, tỉnh Quảng Ngãi.

#### **Bên nhận ủy quyền (Bên B):**

Bà : **NGUYỄN THỊ NGỌC THU** Sinh ngày: 28/5/1988  
 Căn cước công dân số : 051188016595 cấp tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH ngày 26/8/2021.  
 Nơi cư trú : Thôn Diên Trường, xã Khánh Cường, tỉnh Quảng Ngãi.

- Các bên đã tự nguyện giao kết hợp đồng này;
- Tại thời điểm ký vào từng trang và điểm chỉ vào trang cuối của hợp đồng này, các bên giao kết có năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật;
- Các bên giao kết cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, tính hợp pháp của các thông tin và các giấy tờ đã cung cấp liên quan đến việc giao kết hợp đồng này;
- Mục đích, nội dung của hợp đồng không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
- Các bên giao kết đã tự đọc lại, đồng ý toàn bộ nội dung và ký vào từng trang và điểm chỉ vào trang cuối của hợp đồng này trước sự chứng kiến của tôi vào ngày 06 tháng 11 năm 2025 (ngày sáu tháng mười một năm hai nghìn không trăm hai mươi lăm); chữ ký và dấu điểm chỉ trong hợp đồng đúng là chữ ký và dấu điểm chỉ của các bên nêu trên;
- Ông Đỗ Quang Phông bổ sung đầy đủ hồ sơ vào ngày 12/11/2025.
- Văn bản công chứng này được lập thành 03 (ba) bản gốc, mỗi bản gốc gồm 03 (ba) tờ, 04 (bốn) trang, có giá trị pháp lý như nhau; người yêu cầu công chứng giữ 02 (hai) bản gốc, 01 (một) bản gốc lưu tại Văn phòng công chứng Hoàng Thị Hương, tỉnh Quảng Ngãi.

**Số công chứng: 2207/2025/CCGD.**

### CÔNG CHỨNG VIÊN



*(Handwritten signature in blue ink)*

**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
*Hoàng Thị Hương*





**BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ**

Mã số hồ sơ: H48.210-251204-0013

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 5 tháng 12 năm 2025

**PHIẾU KIỂM SOÁT QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT HỒ SƠ**

Nội dung yêu cầu giải quyết: Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất ĐỒ QUANG PHÒNG

Ngày tiếp nhận hồ sơ: 05/12/ 2025; Ngày hẹn trả kết quả: 26/12/ 2025

Cơ quan (đơn vị) giải quyết hồ sơ:.....

Cơ quan phối hợp giải quyết hồ sơ:.....

+ -

| TÊN CƠ QUAN/<br>PHÒNG BAN | THỜI GIAN GIAO, NHẬN HỒ SƠ                                   |                                                                 | Trước hạn/<br>đúng hạn/<br>quá hạn | GHI<br>CHÚ |
|---------------------------|--------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------|------------|
| 1. Giao:<br>BỘ PHẬN TNTKQ | ..... giờ..... phút,<br>ngày.....tháng.....năm.....          | ..... giờ..... phút,<br>ngày.....tháng.....năm.....             |                                    |            |
| 2. Nhận: .....            | Người giao<br>(Ký, ghi rõ họ tên)<br><i>Nguyễn Duy Nam</i>   | Người nhận<br>(Ký, ghi rõ họ tên)<br><i>Trương Anh Dương</i>    |                                    |            |
| 1. Giao: .....            | ..... giờ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm .....        |                                                                 |                                    |            |
| 2. Nhận: .....            | Người giao<br>(Ký, ghi rõ họ tên)<br><i>Trương Anh Dương</i> | Người nhận<br>(Ký, ghi rõ họ tên)<br><i>Nguyễn Duy Thắng</i>    |                                    |            |
| 1. Giao: .....            | ..... giờ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm .....        |                                                                 |                                    |            |
| 2. Nhận: .....            | Người giao<br>(Ký, ghi rõ họ tên)<br><i>Nguyễn Duy Thắng</i> | Người nhận<br>(Ký, ghi rõ họ tên)<br><i>Trương Anh Dương</i>    |                                    |            |
| 1. Giao: .....            | ..... giờ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm .....        |                                                                 |                                    |            |
| 2. Nhận: .....            | Người giao<br>(Ký, ghi rõ họ tên)<br><i>Trương Anh Dương</i> | Người nhận<br>(Ký, ghi rõ họ tên)<br><i>Trần Huỳnh Kiên</i>     |                                    |            |
| 1. Giao: .....            | ..... giờ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm .....        |                                                                 |                                    |            |
| 2. Nhận: .....            | Người giao<br>(Ký, ghi rõ họ tên)<br><i>Trần Huỳnh Kiên</i>  | Người nhận<br>(Ký, ghi rõ họ tên)<br><i>Nguyễn Thị Kim Bình</i> |                                    |            |
| 1. Giao: .....            | ..... giờ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm .....        |                                                                 |                                    |            |



|                      |                                                       |                                                     |                                          |  |
|----------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------|--|
| 2. Nhận: .....       | <b>Người giao</b><br>(Ký, ghi rõ họ tên)              | <b>Người nhận</b><br>(Ký, ghi rõ họ tên)            |                                          |  |
| 1. Giao: .....       | ..... giờ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm ..... |                                                     |                                          |  |
| 2. Nhận: .....       | <b>Người giao</b><br>(Ký, ghi rõ họ tên)              | <b>Người nhận</b><br>(Ký, ghi rõ họ tên)            |                                          |  |
| 1. Giao: .....       | <i>Nguyễn Thị Kim Bèo</i>                             | <i>Nguyễn Duy Thắng</i>                             |                                          |  |
| 2. Nhận: .....       | <b>Người giao</b><br>(Ký, ghi rõ họ tên)              | <b>Người nhận</b><br>(Ký, ghi rõ họ tên)            |                                          |  |
| 1. Giao: .....       | ..... giờ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm ..... |                                                     |                                          |  |
| 2. Nhận: .....       | <b>Người giao</b><br>(Ký, ghi rõ họ tên)              | <b>Người nhận</b><br>(Ký, ghi rõ họ tên)            |                                          |  |
| 1. Giao: .....       | ..... giờ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm ..... |                                                     |                                          |  |
| 2. Nhận: .....       | <b>Người giao</b><br>(Ký, ghi rõ họ tên)              | <b>Người nhận</b><br>(Ký, ghi rõ họ tên)            |                                          |  |
| 1. Giao: .....       | ..... giờ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm ..... |                                                     |                                          |  |
| 2. Nhận: .....       | <b>Người giao</b><br>(Ký, ghi rõ họ tên)              | <b>Người nhận</b><br>(Ký, ghi rõ họ tên)            |                                          |  |
| 1. Giao: .....       | ..... giờ..... phút,<br>ngày.....tháng.....năm.....   | ..... giờ..... phút,<br>ngày.....tháng.....năm..... |                                          |  |
| 2. Nhận: .....       | <b>Người giao</b><br>(Ký, ghi rõ họ tên)              | <b>Người nhận</b><br>(Ký, ghi rõ họ tên)            |                                          |  |
| <b>BỘ PHẬN TNTKQ</b> |                                                       | <i>Nguyễn Duy Thắng</i>                             | <i>Nguyễn Duy Nam</i>                    |  |
| 1. Giao: .....       | ..... giờ..... phút, ngày ..... tháng ..... năm ..... |                                                     |                                          |  |
| <b>BỘ PHẬN TNTKQ</b> |                                                       | <b>Người giao</b><br>(Ký, ghi rõ họ tên)            | <b>Người nhận</b><br>(Ký, ghi rõ họ tên) |  |
| 2. Nhận: .....       | <i>Nguyễn Duy Nam</i>                                 | <i>Nguyễn Thị Ngọc Thu</i>                          |                                          |  |

Thư HĐ, UĐ  
số 9202/2025/CCGL

Mã hồ sơ: **H48.210-251204-0013**



**GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ**

(Liên: Giao tổ chức, cá nhân)

Trung tâm Phục vụ hành chính công UBND xã Khánh Cường

Tiếp nhận hồ sơ của: **ĐỖ QUANG PHÔNG**

Địa chỉ: Thôn Diên Trường, Tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ thửa đất: Thôn Diên Trường, Xã Khánh Cường, Tỉnh Quảng Ngãi

Số điện thoại của chủ hồ sơ: 0377530443

Số điện thoại của người được uỷ quyền: 0377530443

Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết: Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất **ĐỖ QUANG PHÔNG**

Thành phần hồ sơ:

| STT | Tên giấy tờ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Loại giấy tờ | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------|
| 1   | Một trong các giấy chứng nhận quy định tại khoản 21 Điều 3, khoản 3 Điều 256 Luật Đất đai hoặc một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 137 Luật Đất đai hoặc quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ. | Bản chính    | 1        |
| 2   | Đơn theo Mẫu số 01                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Bản chính    | 1        |

Số lượng hồ sơ: (bộ)

Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là: 15 (Ngày làm việc)

Thời gian nhận hồ sơ: 09 giờ 50 phút, ngày 05 tháng 12 năm 2025

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: **09 giờ 50 phút, ngày 26 tháng 12 năm 2025**

Đăng ký trả kết quả tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công UBND xã Khánh Cường

Ghi chú:

Vào sổ theo dõi, Quyền số: ....., Số thứ tự: ..... (nếu có)

**NGƯỜI NỘP HỒ SƠ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**NGUYỄN THỊ NGỌC THU**

**NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Nguyễn Duy Nam**

**Ghi chú:**

- Khi nhận kết quả đề nghị tổ chức, cá nhân mang theo Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả và CCCD/CC; trường hợp đi nhận thay kết quả phải có giấy giới thiệu của đơn vị hoặc giấy ủy quyền/hợp đồng ủy quyền theo quy định pháp luật.
- Đối với những hồ sơ có thu phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính đề nghị tổ chức, cá nhân hoàn thành trước khi nhận kết quả.
- Số điện thoại liên hệ của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả:



**4. Tra cứu tiến độ giải quyết hồ sơ thông qua các cách thức sau:**

- Truy cập vào địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>

- Tra cứu thông qua ứng dụng Zalo:

+ Hành chính công tỉnh Quảng Ngãi.

+ Quét mã QR Code trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.



Mã hồ sơ: **H48.210-251204-0013**



**GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ**

(Liên: Lưu tổ chức, cá nhân)

Trung tâm Phục vụ hành chính công UBND xã Khánh Cường

Tiếp nhận hồ sơ của: **ĐỖ QUANG PHÔNG**

Địa chỉ: Thôn Diên Trường, Xã Khánh Cường, Tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ thửa đất: Thôn Diên Trường, Xã Khánh Cường, Tỉnh Quảng Ngãi

Số điện thoại của chủ hồ sơ: 0377530443

Số điện thoại của người được uỷ quyền: 0377530443

Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết: Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất **ĐỖ QUANG PHÔNG**

Thành phần hồ sơ:

| STT | Tên giấy tờ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Loại giấy tờ | Số lượng |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|----------|
| 1   | Một trong các giấy chứng nhận quy định tại khoản 21 Điều 3, khoản 3 Điều 256 Luật Đất đai hoặc một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 137 Luật Đất đai hoặc quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ. | Bản chính    | 1        |
| 2   | Đơn theo Mẫu số 01                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Bản chính    | 1        |

Số lượng hồ sơ: (bộ)

Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là: 15 (Ngày làm việc)

Thời gian nhận hồ sơ: 09 giờ 50 phút, ngày 05 tháng 12 năm 2025

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: **09 giờ 50 phút, ngày 26 tháng 12 năm 2025**

Đăng ký trả kết quả tại: Trung tâm Phục vụ hành chính công UBND xã Khánh Cường

Ghi chú:

Vào sổ theo dõi, Quyền số: ....., Số thứ tự: ..... (nếu có)

**NGƯỜI NỘP HỒ SƠ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**NGUYỄN THỊ NGỌC THU**

**NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Nguyễn Duy Nam**

**Ghi chú:**

- Khi nhận kết quả đề nghị tổ chức, cá nhân mang theo Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả và CCCD/CC; trường hợp đi nhận thay kết quả phải có giấy giới thiệu của đơn vị hoặc giấy ủy quyền/hợp đồng ủy quyền theo quy định pháp luật.
- Đối với những hồ sơ có thu phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính đề nghị tổ chức, cá nhân hoàn thành trước khi nhận kết quả.
- Số điện thoại liên hệ của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả:



**4. Tra cứu tiến độ giải quyết hồ sơ thông qua các cách thức sau:**

- Truy cập vào địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>

- Tra cứu thông qua ứng dụng Zalo:

+ Hành chính công tỉnh Quảng Ngãi.

+ Quét mã QR Code trên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC PHỐ**

Số: 6292/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đức Phổ, ngày 25 tháng 11 năm 2015

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bố trí đất  
tái định cư dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 tỉnh  
Quảng Ngãi; Phân đoạn Km1101 + 317 ÷ Km1125+000;  
Địa điểm: Xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ (Đợt 14)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC PHỐ**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 1352/QĐ-BGTVT ngày 22/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km1027-Km1063+877 và Km1092+577-Km1125+000, tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 05/3/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 06/6/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định về đơn giá bồi thường nhà, vật kiến trúc khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 64/2014/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành quy định mật độ và đơn giá cây trồng để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2015-2019);

Căn cứ Quyết định số 3159/QĐ-UBND ngày 12/6/2014 của UBND huyện Đức Phổ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt





bằng dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1, tỉnh Quảng Ngãi; Phân đoạn Km1101+317 - Km1125+00; Địa điểm: Xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ (đợt 4);

Căn cứ Quyết định số 3160/QĐ-UBND ngày 12/6/2014 của UBND huyện Đức Phổ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1, tỉnh Quảng Ngãi; Phân đoạn Km1101+317 - Km1125+00; Địa điểm: Xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ (đợt 5);

Căn cứ Quyết định số 4195/QĐ-UBND ngày 24/6/2014 của UBND huyện Đức Phổ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1, tỉnh Quảng Ngãi; Phân đoạn Km1101+317 - Km1125+00; Địa điểm: Xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ (đợt 6);

Căn cứ Quyết định số 4800/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của UBND huyện Đức Phổ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1, tỉnh Quảng Ngãi; Phân đoạn Km1101+317 - Km1125+00; Địa điểm: Xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ (đợt 8);

Căn cứ Quyết định số 7070/QĐ-UBND ngày 08/10/2014 của UBND huyện Đức Phổ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1, tỉnh Quảng Ngãi; Phân đoạn Km1101+317 - Km1125+00; Địa điểm: Xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ (đợt 9);

Căn cứ Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 13/3/2015 của UBND huyện Đức Phổ về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1, tỉnh Quảng Ngãi; Phân đoạn Km1101+317 - Km1125+00; Địa điểm: Xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ (đợt 12);

Căn cứ Quyết định số 6237/QĐ-UBND ngày 29/8/2014 của UBND huyện Đức Phổ về việc phê duyệt phương án bố trí tái định cư để thực hiện dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn Km 1027 ÷ Km 1063+877 và Km 1092+577 ÷ Km 1125+000, tỉnh Quảng Ngãi; Địa điểm: Xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ (Đợt 1);

Xét đề nghị của Ban quản lý các dự án ĐT&XD CTGT Quảng Ngãi tại Tờ trình số 1949/TTr-BQL ngày 10 tháng 11 năm 2015 về việc thẩm định, phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (đợt 14) dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1, tỉnh Quảng Ngãi; địa điểm: xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ;

Theo đề nghị của trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đức Phổ tại Báo cáo thẩm định số: 355/BC-TNMT ngày 11 tháng 11 năm 2015,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bố trí đất tái định cư dự án: Đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1 tỉnh Quảng Ngãi; Phân đoạn Km1101 + 317 ÷ Km1125+000; Địa điểm: Xã Phổ Khánh, huyện Đức Phổ (Đợt 14) với các nội dung sau:

#### **1. Phần bồi thường, hỗ trợ:**



| STT | Nội dung                                               | ĐVT            | Khối lượng, giá trị đã được phê duyệt | Khối lượng, giá trị điều chỉnh, bổ sung | Chênh lệch  |          |
|-----|--------------------------------------------------------|----------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|-------------|----------|
|     |                                                        |                |                                       |                                         | Tăng (+)    | Giảm (-) |
| 1.1 | Tổng diện tích đất lập phương án                       | m <sup>2</sup> | 2.671,8                               | 2.874,5                                 | 202,7       | -        |
| -   | Tổng diện tích đất bồi thường, hỗ trợ                  | m <sup>2</sup> | 2.220                                 | 2.661,4                                 | 441,4       | -        |
| 1.2 | Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ (làm tròn số)          | đồng           | 1.070.206.133                         | 1.632.093.504                           | 561.887.317 | -        |
|     | a. Chi phí bồi thường, hỗ trợ trực tiếp                | đồng           | 989.557.220                           | 1.509.101.713                           | 519.544.493 | -        |
|     | + Bồi thường, hỗ trợ về đất                            | đồng           | 845.388.000                           | 1.020.500.000                           | 175.112.000 | -        |
|     | + Bồi thường, hỗ trợ về nhà, công trình, vật kiến trúc | đồng           | 123.059.517                           | 445.313.713                             | 322.254.195 | -        |
|     | + Bồi thường, hỗ trợ về cây cối, hoa màu               | đồng           | 0                                     | 2.200.000                               | 2.200.000   | -        |
|     | + Các khoản hỗ trợ                                     | đồng           | 21.109.703                            | 41.088.000                              | 19.978.298  | -        |
|     | b. Chi phí phục vụ bồi thường, GPMB (3%)               | đồng           | 29.686.717                            | 45.273.052                              | 15.586.335  | -        |
|     | + Chi cho đơn vị lập phương án (82%)                   | đồng           | 24.343.108                            | 37.123.903                              | 12.780.795  | -        |
|     | + Chi cho UBND cấp huyện (2%)                          | đồng           | 593.734                               | 905.461                                 | 311.727     | -        |
|     | + Chi cho phòng TN&MT (2%)                             | đồng           | 593.734                               | 905.461                                 | 311.727     | -        |
|     | + Chi cho UBND cấp xã (10%)                            | đồng           | 2.968.672                             | 4.527.305                               | 1.558.634   | -        |
|     | + Chi cho việc thẩm định (4%)                          | đồng           | 1.187.470                             | 1.810.923                               | 632.453     | -        |
|     | c. Dự phòng chi (5%)                                   | đồng           | 50.962.196                            | 77.718.738                              | 26.756.542  | -        |

## 2. Phân bố trí tái định cư:

| STT | Nội dung                         | ĐVT            | Khối lượng, giá trị đã được phê duyệt | Khối lượng, giá trị điều chỉnh, bổ sung | Chênh lệch |          |
|-----|----------------------------------|----------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|------------|----------|
|     |                                  |                |                                       |                                         | Tăng (+)   | Giảm (-) |
| 2.1 | Tổng diện tích đất lập phương án | m <sup>2</sup> | 4.499,2                               | 7.658                                   | 3.158,8    | -        |
| 2.2 | Tổng số hộ bố trí tái định cư    | hộ             | 15                                    | 25                                      | 10         | -        |



|     |                                   |      |               |               |               |            |
|-----|-----------------------------------|------|---------------|---------------|---------------|------------|
| 2.3 | Tổng số lô bố trí tái định cư     | lô   | 15            | 26            | 11            | -          |
| 2.4 | Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp | đồng | 1.274.967.593 | 2.279.913.406 | 1.025.945.813 | 21.000.000 |
| 2.5 | Tổng số tiền Nhà nước hỗ trợ      | đồng | 365.146.898   | 513.725.993   | 148.579.095   | -          |

3. Nguồn kinh phí thực hiện phương án: Vốn trái phiếu Chính phủ.

4. Tiến độ thực hiện phương án: Năm 2015.

**(Số liệu chi tiết được thể hiện cụ thể trong phương án)**

**Điều 2.** Quyết định này là căn cứ để Ban quản lý các dự án ĐT&XD CTGT Quảng Ngãi phối hợp với UBND xã Phổ Khánh, Chủ đầu tư và các cơ quan liên quan tiến hành bồi thường, hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các nội dung còn lại tại Quyết định số: 3159/QĐ-UBND ngày 12/6/2014; 3160/QĐ-UBND ngày 12/6/2014; 4195/QĐ-UBND ngày 24/6/2014; 4800/QĐ-UBND ngày 27/6/2014; 7070/QĐ-UBND ngày 08/10/2014; 723/QĐ-UBND ngày 13/3/2015 và Quyết định số 6237/QĐ-UBND ngày 29/8/2014 của UBND huyện Đức Phổ không trái với nội dung được phê duyệt tại Quyết định này vẫn giữ nguyên hiệu lực thi hành.

**Điều 4.** Các ông Chánh văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng các phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế và Hạ tầng; Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi, Chi nhánh Đức Phổ; Kho bạc Nhà nước; Giám đốc Ban quản lý các dự án ĐT&XD CTGT Quảng Ngãi; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phổ Khánh và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. / *Được*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND huyện;
- Lưu: VP; (HS).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



*Trần Em*  
Trần Em